

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

1 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
1	Phạm Thanh	Tuyền	30/09/91	CD CDT 09A	5.0	F3.10	07:30
2	Đoàn Xuân	Đường	16/09/92	CD CDT 10A	4.5	F3.10	07:30
3	Nguyễn Phương	Thắng	/ /92	CD CDT 10A	5.9	F3.10	07:30
4	Nguyễn Đăng	Tín	25/01/92	CD CDT 10A	3.5	F3.10	07:30
5	Hồ Nhật	Linh	05/12/93	CD CDT 11B	5.0	F3,10	10:10
6	Lê Quốc	Thái	05/12/93	CD CDT 11B	2.9	F3,10	10:10
7	Nguyễn Doãn Thái	Bảo	7/2/1990	CD CK 09A	5.7	F3.10	07:30
8	Nguyễn Văn	Thanh	24/03/91	CD CK 09A	4.1	F3.10	07:30
9	Nguyễn	Trường	04/10/90	CD CK 09A	3.1	F3.10	07:30
10	Võ Minh	Tuấn	11/06/91	CD CK 09A	4.1	F3.10	07:30
11	Đỗ Tấn	Phong	10/06/91	CD CK 09B	4.2	F3.10	07:30
12	Bùi Ngọc	Trung	17/11/91	CD CK 09B	9.3	F3.10	07:30
13	Trần Bình	Khôi	05/07/91	CD CK 09C	7.0	F3.10	07:30
14	Vũ Trung	Thông	26/12/90	CD CK 09C	8.1	F3.10	07:30
15	Nguyễn Duy	Vinh	15/10/90	CD CK 09C	6.8	F3.10	07:30
16	Nguyễn Hoàng	Giang	15/06/92	CD CK 10A	5.0	F3.10	07:30
17	Lê Thanh	Minh	15/05/91	CD CK 10A	6.4	F3.10	07:30
18	Nguyễn Văn	Nguyên	03/04/91	CD CK 10A	5.0	F3.10	07:30
19	Trần Quốc	Tuấn	24/04/92	CD CK 10A	2.8	F3.10	07:30
20	Nguyễn Tuấn	Anh	09/02/92	CD CK 10B	2.7	F3.10	07:30
21	Đỗ Mạnh	Cang	20/09/92	CD CK 10B	8.2	F3.10	07:30
22	Nguyễn Văn	Chí	01/09/92	CD CK 10B	5.1	F3.10	07:30
23	Nguyễn Văn	Đại	21/03/92	CD CK 10B	3.2	F3.10	07:30
24	Phạm Thế	Dương	25/10/92	CD CK 10B	2.8	F3.10	07:30
25	Đình Văn	Hậu	22/06/92	CD CK 10B	5.9	F3.10	07:30
26	Trần Xuân	Hiệu	30/07/91	CD CK 10B	4.2	F3.10	07:30
27	Hồ Minh	Luân	17/07/92	CD CK 10B	7.5	F3.10	07:30
28	Phan Huỳnh Nguyễn Tấn	Nhân	15/11/90	CD CK 10B	4.1	F3.10	07:30
29	Lê Mậu	Phong	04/10/91	CD CK 10B	2.2	F3.10	07:30
30	Huỳnh Công	Phước	20/02/92	CD CK 10B	5.7	F3.10	07:30
31	Nguyễn Đức	Phượng	24/02/92	CD CK 10B	2.6	F3.10	07:30
32	Bùi Thanh	Sơn	15/06/92	CD CK 10B	3.8	F3.10	07:30
33	Vũ Văn Nam	Sơn	03/02/92	CD CK 10B	4.1	F3.10	07:30
34	Đỗ Minh	Tấn	12/02/92	CD CK 10B	7.5	F3.10	07:30
35	Vũ Quốc	Đạt	04/07/92	CD CK 10C	3.3	F3.10	07:30
36	Nguyễn Văn	Hoàn	07/01/92	CD CK 10C	6.3	F3.10	07:30
37	Đặng Văn	Pháp	19/06/91	CD CK 10C	6.3	F3.10	07:30
38	Trần Anh	Tâm	11/08/90	CD CK 10C	8.2	F3.10	07:30
39	Võ Văn	Tùng	25/02/92	CD CK 10C	5.3	F3,11	07:30
40	Nguyễn Tấn	Viên	14/12/91	CD CK 10C	4.4	F3,11	07:30
41	Nguyễn Dương Hoàng	Hân	22/05/93	CD CK 11A	5.0	F3,10	10:10
42	Nguyễn Thế	Hiển	08/11/93	CD CK 11A	5.0	F3,10	10:10
43	Chí Đức	Lâm	19/04/93	CD CK 11A	4.4	F3,10	10:10
44	Trịnh Hồng	Quân	19/08/93	CD CK 11A	3.7	F3,10	10:10
45	Trần Đình Anh	Quốc	11/09/92	CD CK 11A	2.3	F3,11	07:30
46	Phan Bá	Trúc	10/10/93	CD CK 11A	2.7	F3,10	10:10

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

2 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
47	Đào Văn	Tuấn	27/01/92	CD CK 11A	2.4	F3,10	10:10
48	Lê Quang	Vinh	06/05/93	CD CK 11A	4.0	F3,11	07:30
49	Nguyễn Hữu	Vinh	21/03/93	CD CK 11A	3.7	F3,10	10:10
50	Nguyễn Thanh	Vinh	02/10/93	CD CK 11A	4.0	F3,10	10:10
51	Lê Thành	Vũ	19/03/92	CD CK 11A	3.0	F3,10	10:10
52	Trần Tuấn	Vũ	20/08/93	CD CK 11A	2.3	F3,11	07:30
53	Nguyễn Quốc	Bảo	13/07/92	CD CK 11B	2.0	F3,11	07:30
54	Phạm Ngọc	Bình	07/07/93	CD CK 11B	2.4	F3,10	10:10
55	Nguyễn Quốc	Cường	28/10/93	CD CK 11B	2.4	F3,10	10:10
56	Nguyễn Ngọc	Duy	15/10/92	CD CK 11B	4.1	F3,11	07:30
57	Nguyễn Trọng	Hiếu	10/09/93	CD CK 11B	2.9	F3,11	07:30
58	Vũ Trọng	Hòa	08/12/93	CD CK 11B	2.8	F3,10	10:10
59	Nguyễn Lưu	Khánh	19/07/93	CD CK 11B	3.2	F3,10	10:10
60	Nguyễn Ngọc	Khánh	07/07/93	CD CK 11B	4.2	F3,10	10:10
61	Nguyễn Trọng	Khoa	15/12/93	CD CK 11B	5.2	F3,11	07:30
62	Huỳnh Thái	Nguyễn	28/12/93	CD CK 11B	3.7	F3,10	10:10
63	Nguyễn Anh	Thoại	11/09/93	CD CK 11B	3.7	F3,10	10:10
64	Phạm Thanh	Tùng	17/01/93	CD CK 11B	3.7	F3,10	10:10
65	Lê Thanh	An	1988	CD CK LT 11	6.0	F3,11	07:30
66	Nguyễn Thanh	Bình	19/10/90	CD CK LT 11	5.3	F3,11	07:30
67	Tạ Văn	Hiển	26/05/89	CD CK LT 11	8.0	F3,11	07:30
68	Nguyễn Đức	Vang	27/11/88	CD CK LT 11	3.2	F3,11	07:30
69	Nguyễn Văn	Dũng	17/09/89	CD D LT 11	1.8	F3,14	10:10
70	Bùi Tiến	Long	01/10/88	CD D LT 11	2.9	F3,14	10:10
71	Phan Hồng	Nguyễn	05/02/86	CD D LT 11	7.0	F3,14	10:10
72	Phạm Cao	Cường	16/06/91	CD DCN 09A	3.9	F3,11	07:30
73	Phạm Văn	Hưng	10/10/91	CD DCN 09A	3.3	F3,11	07:30
74	Vũ Duy	Liệu	10/11/91	CD DCN 09A	5.4	F3,11	07:30
75	Nguyễn Trọng	Tín	21/07/91	CD DCN 09A	7.2	F3,11	07:30
76	Hồ Cao	Danh	20/05/91	CD DCN 09B	5.0	F3,11	07:30
77	Lê Đình	Nam	11/07/91	CD DCN 09B	5.0	F3,11	07:30
78	Nguyễn Văn	Nào	16/02/88	CD DCN 09B	5.6	F3,11	07:30
79	Bùi Văn	Cường	18/11/92	CD DCN 10A	4.1	F3,11	07:30
80	Nguyễn Văn	Cường	09/01/92	CD DCN 10A	4.1	F3,11	07:30
81	Trần Minh	Điện	11/10/92	CD DCN 10A	3.5	F3,11	07:30
82	Nguyễn Minh	Dương	20/09/90	CD DCN 10A	3.3	F3,11	07:30
83	Huỳnh Hồng	Hà	28/08/92	CD DCN 10A	6.5	F3,11	07:30
84	Huỳnh Tấn	Hưng	25/12/92	CD DCN 10A	8.2	F3,11	07:30
85	Phạm Đặng Thanh	Hưng	21/08/92	CD DCN 10A	3.3	F3,11	07:30
86	Trần Văn	Lung	01/01/88	CD DCN 10A	3.0	F3,11	07:30
87	Trương Hoài	Nam	16/08/91	CD DCN 10A	6.9	F3,11	07:30
88	Viên Hữu	Ngọc	10/10/92	CD DCN 10A	3.3	F3,11	07:30
89	Lê Tấn	Phú	20/03/92	CD DCN 10A	4.4	F3,11	07:30
90	Ngô Khánh	Sơn	26/05/92	CD DCN 10A	7.7	F3,11	07:30
91	Nguyễn Văn	Tha	21/10/91	CD DCN 10A	2.0	F3,11	07:30
92	Nguyễn Tất	Thắng	08/04/92	CD DCN 10A	3.2	F3,11	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

3 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
93	Phạm Tất	Thắng	10/05/92	CD DCN 10A	5.0	F3,11	07:30
94	Vũ Đức	Thành	18/08/92	CD DCN 10A	7.0	F3,11	07:30
95	Nguyễn Đức	Toàn	09/09/92	CD DCN 10A	6.0	F3,11	07:30
96	La Chánh	Trung	15/07/92	CD DCN 10A	6.0	F3,11	07:30
97	Nguyễn Quốc	Tuân	02/06/92	CD DCN 10A	7.4	F3,11	07:30
98	Tổng Viết Anh	Tuân	14/08/92	CD DCN 10A	4.4	F3,11	07:30
99	Lâm Hoàng	Việt	04/09/92	CD DCN 10A	5.0	F3,11	07:30
100	Trần Quốc	Bảo	05/11/92	CD DCN 10B	5.9	F3,11	07:30
101	Nguyễn Minh	Ngoài	25/02/92	CD DCN 10B	6.2	F3,11	07:30
102	Phan Tấn	Phát	31/01/92	CD DCN 10B	2.9	F3,11	07:30
103	Trần Văn	Quân	06/04/91	CD DCN 10B	2.0	F3,11	07:30
104	Phạm Tấn	Tài	29/12/92	CD DCN 10B	5.6	F3,12	07:30
105	Võ Hữu	Trịnh	14/07/92	CD DCN 10B	7.5	F3,12	07:30
106	Đào Văn	Duy	26/04/92	CD DCN 10C	3.9	F3,12	07:30
107	Nguyễn Hữu	Phong	14/06/92	CD DCN 10C	5.0	F3,12	07:30
108	Đỗ Quốc	Sĩ	22/06/92	CD DCN 10C	6.1	F3,12	07:30
109	Nguyễn Ngọc	Thuần	26/08/92	CD DCN 10C	7.4	F3,12	07:30
110	Trần Phong	Xuân	25/10/92	CD DCN 10C	7.4	F3,12	07:30
111	Phạm Châu Đức	Bảo	05/10/1987	CD DCN LT 11	7.8	F3,12	07:30
112	Nguyễn Thanh	Bình	1988	CD DCN LT 11	1.7	F3,12	07:30
113	Nguyễn Thanh	Chung	11/10/1988	CD DCN LT 11	6.2	F3,12	07:30
114	Nguyễn Thái	Cường	10/09/1989	CD DCN LT 11	4.0	F3,12	07:30
115	Nguyễn Hồng	Định	01/06/1990	CD DCN LT 11	3.3	F3,12	07:30
116	Trần Nhân	Hậu	15/02/1988	CD DCN LT 11	3.0	F3,12	07:30
117	Nguyễn Thanh	Hiền	06/06/1989	CD DCN LT 11	3.5	F3,12	07:30
118	Nguyễn Khắc	Hiếu	29/10/1987	CD DCN LT 11	7.3	F3,12	07:30
119	Lê Đức	Hoài	19/05/1990	CD DCN LT 11	7.6	F3,12	07:30
120	Bùi Việt	Hoàng	27/10/1989	CD DCN LT 11	3.3	F3,12	07:30
121	Trần Thanh	Hoàng	23/11/1990	CD DCN LT 11	5.1	F3,12	07:30
122	Nguyễn Quang	Huy	14/08/1988	CD DCN LT 11	6.6	F3,12	07:30
123	Nguyễn Văn	Lượng	12/05/1988	CD DCN LT 11	4.1	F3,12	07:30
124	Nguyễn	Pêlê	20/12/84	CD DCN LT 11	5.0	F3,12	07:30
125	Bùi Anh	Phú	10/05/1989	CD DCN LT 11	3.8	F3,12	07:30
126	Lê Ngọc	Phú	12/03/1986	CD DCN LT 11	7.1	F3,12	07:30
127	Nguyễn Văn	Phúc	19/01/1984	CD DCN LT 11	3.0	F3,12	07:30
128	Phạm Tấn	Tài	03/02/1985	CD DCN LT 11	1.8	F3,12	07:30
129	Võ Minh	Tân	1986	CD DCN LT 11	6.1	F3,12	07:30
130	Phùng Minh	Thi	09/02/1990	CD DCN LT 11	4.0	F3,12	07:30
131	Đặng Hải	Thiêm	16/07/1986	CD DCN LT 11	5.7	F3,12	07:30
132	Trần Minh	Thôn	01/01/86	CD DCN LT 11	2.5	F3,12	07:30
133	Lại Quang	Trung	02/12/1988	CD DCN LT 11	2.3	F3,12	07:30
134	Lê Văn	Tuấn	05/07/88	CD DCN LT 11	2.4	F3,12	07:30
135	Trần Thanh	Tuấn	19/06/1989	CD DCN LT 11	2.3	F3,12	07:30
136	Nguyễn	Tuệ	15/10/1988	CD DCN LT 11	2.9	F3,12	07:30
137	Nguyễn Thanh	Tùng	10/02/1990	CD DCN LT 11	6.1	F3,12	07:30
138	Hồ Ngọc	Vũ	01/11/1989	CD DCN LT 11	4.3	F3,12	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

4 - A1

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
139	Nguyễn Hoàng Vũ	1990	CD DCN LT 11	5.0	F3,12	07:30
140	Nguyễn Hữu Chí	22/05/93	CD DDT 11A	3.0	F3,10	10:10
141	Phạm Hữu Chí	06/01/92	CD DDT 11A	3.2	F3,12	07:30
142	Nguyễn Tiến Đạt	30/06/93	CD DDT 11A	3.6	F3,10	10:10
143	Trần Hoàng Duy	28/09/93	CD DDT 11A	6.8	F3,12	07:30
144	Đình Huỳnh Quốc Hữu	02/10/93	CD DDT 11A	4.3	F3,10	10:10
145	Võ Khắc Huy	06/10/93	CD DDT 11A	3.9	F3,10	10:10
146	Đỗ Duy Khánh	23/03/93	CD DDT 11A	2.4	F3,10	10:10
147	Nguyễn Văn Linh	09/12/93	CD DDT 11A	4.2	F3,10	10:10
148	Nguyễn Cao Kỳ Luân	29/03/93	CD DDT 11A	6.7	F3,12	07:30
149	Bùi Văn Ngoan	15/03/93	CD DDT 11A	3.3	F3,10	10:10
150	Phòng A Nhức	23/06/92	CD DDT 11A	3.8	F3,10	10:10
151	Nguyễn Minh Phong	13/05/93	CD DDT 11A	7.4	F3,14	07:30
152	Vũ Duy Quyền	25/05/92	CD DDT 11A	5.1	F3,14	07:30
153	Nguyễn Ngọc Quỳnh	08/11/93	CD DDT 11A	7.7	F3,10	10:10
154	Trần Hữu Tài	06/05/93	CD DDT 11A	4.1	F3,10	10:10
155	Lâm Ngọc Thanh	12/04/92	CD DDT 11A	7.4	F3,10	10:10
156	Nguyễn Ngọc Thiên	30/11/89	CD DDT 11A	3.4	F3,10	10:10
157	Nguyễn Văn Tới	25/04/93	CD DDT 11A	5.0	F3,10	10:10
158	Nguyễn Quốc Trường	15/11/93	CD DDT 11A	4.0	F3,10	10:10
159	Nguyễn Viết Xuân	25/03/93	CD DDT 11A	4.2	F3,10	10:10
160	Bùi Văn An	15/11/91	CD DDT 11C	3.1	F3,10	10:10
161	Trương Lê Quốc Cơ	30/06/93	CD DDT 11C	3.7	F3,10	10:10
162	Phan Quốc Cường	19/12/91	CD DDT 11C	3.0	F3,14	07:30
163	Trần Huy Hoàng	05/01/93	CD DDT 11C	3.3	F3,11	10:10
164	Nguyễn Hoàng Kiệt	22/02/92	CD DDT 11C	3.2	F3,11	10:10
165	Hồ Văn Long	11/12/93	CD DDT 11C	4.2	F3,11	10:10
166	Nguyễn Bá Hoàng Minh	02/10/93	CD DDT 11C	5.1	F3,11	10:10
167	Phạm Hoài Nam	28/10/91	CD DDT 11C	2.6	F3,11	10:10
168	Nguyễn Tiến Phát	19/08/93	CD DDT 11C	3.6	F3,11	10:10
169	Nguyễn Trung Phong	10/04/93	CD DDT 11C	3.9	F3,11	10:10
170	Trần Đức Phương	13/08/92	CD DDT 11C	2.5	F3,11	10:10
171	Cao Kiếm Hùng Sơn	30/09/90	CD DDT 11C	5.0	F3,11	10:10
172	Cao Hữu Tài	21/10/93	CD DDT 11C	5.0	F3,11	10:10
173	Nguyễn Chí Thành	11/11/93	CD DDT 11C	3.1	F3,11	10:10
174	Trần Minh Thành	29/10/93	CD DDT 11C	3.9	F3,11	10:10
175	Nguyễn Văn Toàn	07/03/93	CD DDT 11C	5.0	F3,14	07:30
176	Đỗ Minh Tuấn	06/03/93	CD DDT 11C	2.8	F3,11	10:10
177	Phạm Anh Tuấn	24/02/93	CD DDT 11C	1.1	F3,14	07:30
178	Đoàn Tuấn Vũ	15/06/92	CD DDT 11C	3.2	F3,11	10:10
179	Lê Minh Vũ	20/08/92	CD DDT 11C	5.0	F3,14	07:30
180	Trịnh Minh Vương	16/05/91	CD DDT 11C	3.4	F3,14	07:30
181	Đặng Văn An	22/01/93	CD DDT 11D	4.0	F3,11	10:10
182	Mai Thế Anh	06/08/89	CD DDT 11D	1.9	F3,11	10:10
183	Lương Thế Bảo	20/07/93	CD DDT 11D	4.2	F3,11	10:10
184	Nguyễn Bá Cường	09/04/93	CD DDT 11D	2.4	F3,11	10:10

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

5 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
185	Ngô Quang	Đông	01/03/89	CD DDT 11D	1.6	F3,11	10:10
186	Nguyễn Hữu	Du	04/08/93	CD DDT 11D	2.5	F3,11	10:10
187	Phạm Đình Khương	Duy	02/09/93	CD DDT 11D	3.4	F3,11	10:10
188	Nguyễn Văn	Hợp	29/08/93	CD DDT 11D	3.4	F3,11	10:10
189	Nguyễn Thanh	Nhàn	13/07/93	CD DDT 11D	5.0	F3,11	10:10
190	Nguyễn Hải	Tặc	19/10/92	CD DDT 11D	4.2	F3,11	10:10
191	Nguyễn Văn	Thân	08/01/93	CD DDT 11D	2.4	F3,11	10:10
192	Phạm Văn	Thành	03/10/92	CD DDT 11D	2.2	F3,11	10:10
193	Nguyễn Đăng	Tiến	02/03/93	CD DDT 11D	2.2	F3,11	10:10
194	Nguyễn Văn Phước	Trường	02/06/93	CD DDT 11D	3.6	F3,11	10:10
195	Lê Văn	Tú	22/03/93	CD DDT 11D	3.9	F3,11	10:10
196	Kỷ Văn	Cầu	12/02/93	CD DDT 11E	2.8	F3,14	07:30
197	Nguyễn Vũ	Cường	21/10/93	CD DDT 11E	3.4	F3,11	10:10
198	Phan Đình	Đá	04/07/92	CD DDT 11E	3.1	F3,11	10:10
199	Trịnh Minh	Đạt	10/09/93	CD DDT 11E	5.0	F3,11	10:10
200	Trương Thành	Đạt	23/12/93	CD DDT 11E	2.4	F3,11	10:10
201	Nguyễn Trường	Giang	24/12/93	CD DDT 11E	8.5	F3,14	07:30
202	Nguyễn Phước	Hiền	20/12/93	CD DDT 11E	3.1	F3,11	10:10
203	Trần Trung	Hiếu	06/01/93	CD DDT 11E	5.4	F3,12	10:10
204	Ngô Thái	Hoà	20/03/93	CD DDT 11E	5.0	F3,14	07:30
205	Nguyễn Nhật	Hùng	26/05/92	CD DDT 11E	4.4	F3,12	10:10
206	Dương Văn	Khánh	15/10/93	CD DDT 11E	6.5	F3,14	07:30
207	Trần Đình	Khánh	02/09/93	CD DDT 11E	5.7	F3,14	07:30
208	Ngô Hoàng	Lên	06/09/92	CD DDT 11E	2.6	F3,12	10:10
209	Nguyễn Duy	Linh	18/01/93	CD DDT 11E	3.4	F3,12	10:10
210	Trần Hoài	Linh	26/07/93	CD DDT 11E	4.4	F3,12	10:10
211	Võ Văn Vũ	Linh	12/08/92	CD DDT 11E	3.0	F3,12	10:10
212	Trần Văn	Lộ	23/04/91	CD DDT 11E	3.7	F3,14	07:30
213	Ngô Khương	Nam	26/08/93	CD DDT 11E	3.2	F3,12	10:10
214	Nguyễn Trọng	Nghĩa	17/10/93	CD DDT 11E	5.0	F3,12	10:10
215	Thạch	Ngọc	10/08/93	CD DDT 11E	2.2	F3,12	10:10
216	Đặng Thanh	Nhàn	30/04/93	CD DDT 11E	5.0	F3,14	07:30
217	Võ Tấn	Phát	27/01/93	CD DDT 11E	5.0	F3,14	07:30
218	Quán Đức	Phú	11/10/93	CD DDT 11E	3.9	F3,12	10:10
219	Lê Thanh	Phương	20/04/93	CD DDT 11E	6.1	F3,12	10:10
220	Võ Hoài	Phương	05/08/93	CD DDT 11E	6.7	F3,14	07:30
221	Trần	Quang	08/04/93	CD DDT 11E	4.5	F3,12	10:10
222	Nguyễn Đình	Sang	06/12/93	CD DDT 11E	6.9	F3,12	10:10
223	Nguyễn Minh	Sang	12/03/93	CD DDT 11E	2.2	F3,12	10:10
224	Lý Trọng	Thắng	01/12/93	CD DDT 11E	2.1	F3,12	10:10
225	Trần Văn	Thanh	20/09/93	CD DDT 11E	2.4	F3,12	10:10
226	Nguyễn Đức	Thiện	15/09/93	CD DDT 11E	3.1	F3,12	10:10
227	Nguyễn Viết	Thông	28/09/93	CD DDT 11E	3.4	F3,14	07:30
228	Đặng Văn	Thương	10/01/93	CD DDT 11E	2.7	F3,12	10:10
229	Hồ Văn	Trọng	05/03/93	CD DDT 11E	5.0	F3,12	10:10
230	Mai Thanh	Tú	02/09/93	CD DDT 11E	2.0	F3,12	10:10

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

6 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
231	Nguyễn Hoàng	Vinh	08/03/93	CD DDT 11E	3.3	F3,12	10:10
232	Lữ Quốc	Vương	00/00/93	CD DDT 11E	1.2	F3,12	10:10
233	Nguyễn Minh	Vương	20/02/93	CD DDT 11E	4.1	F3,12	10:10
234	Võ Đình Chí	Công	02/02/90	CD DT 08A	4.5	F3,14	07:30
235	Tăng Văn	Hậu	26/02/90	CD DT 08A	6.6	F3,14	07:30
236	Nguyễn Đăng	Tuyền	24/09/86	CD DT 08A	7.4	F3,14	07:30
237	Nguyễn Hữu	Chiến	06/11/90	CD DT 09B	2.3	F3,14	07:30
238	Trần Minh	Hùng	14/05/90	CD DT 09B	6.7	F3,14	07:30
239	Nguyễn Đức	Long	16/04/91	CD DT 09B	3.3	F3,14	07:30
240	Lê Hoàng Thiện	Khánh	24/07/91	CD DT 10A	5.2	F3,14	07:30
241	Chau Phi	Rích	1988	CD DT 10A	3.3	F3,14	07:30
242	Phạm Phước	Tài	02/09/91	CD DT 10A	5.0	F3,14	07:30
243	Nguyễn Công	Thái	26/02/92	CD DT 10A	7.0	F3,14	07:30
244	Phan Văn	Tuyền	20/02/92	CD DT 10A	2.3	F3,14	07:30
245	Trương Văn	Bảy	19/02/91	CD DT 10B	6.6	F3,14	07:30
246	Đặng Thanh	Duy	27/08/92	CD DT 10B	7.6	F3,14	07:30
247	Trần Văn	Hạnh	20/10/92	CD DT 10B	3.3	F3,14	07:30
248	Đỗ Trọng	Hiếu	11/05/92	CD DT 10B	4.4	F3,14	07:30
249	Nguyễn Mậu	Tèo	20/06/92	CD DT 10B	6.3	F3,14	07:30
250	Trần Ngọc	Trình	06/08/92	CD DT 10B	5.6	F3,14	07:30
251	Nguyễn Mạnh	Tuấn	20/05/92	CD DT 10B	5.6	F3,14	07:30
252	Nguyễn Văn	Vàng	05/10/92	CD DT 10B	4.1	F4,9	07:30
253	Nguyễn Thành	Vĩ	25/01/92	CD DT 10B	3.8	F4,9	07:30
254	Hoàng Văn	Việt	24/06/92	CD DT 10B	7.2	F4,9	07:30
255	Trần Thanh	Chiến	15/02/88	CD DT LT 11	2.9	F4,9	07:30
256	Nguyễn Thanh	Di	04/04/87	CD DT LT 11	7.6	F4,9	07:30
257	Võ Tấn	Điền	10/10/88	CD DT LT 11	5.0	F4,9	07:30
258	Huỳnh Trung	Dũng	20/12/78	CD DT LT 11	5.1	F3,14	10:10
259	Ngô Thanh	Hải	05/06/87	CD DT LT 11	6.8	F4,9	07:30
260	Phạm	Mai	05/12/88	CD DT LT 11	5.4	F4,9	07:30
261	Võ Minh	Thắng	30/08/89	CD DT LT 11	5.6	F4,9	07:30
262	Võ Minh	Thành	20/07/85	CD DT LT 11	2.7	F4,9	07:30
263	Trần Văn	Thạnh	23/07/88	CD DT LT 11	6.3	F4,9	07:30
264	Lê Quốc	Việt	10/12/87	CD DT LT 11	6.0	F4,9	07:30
265	Trần Thanh	Châu	27/01/93	CD DTTT 11A	3.8	F3,12	10:10
266	Nguyễn Văn	Công	13/10/93	CD DTTT 11A	3.0	F4,9	07:30
267	Lê Công	Danh	10/11/91	CD DTTT 11A	3.8	F3,12	10:10
268	Quách Xuân	Hòa	15/11/93	CD DTTT 11A	4.0	F3,12	10:10
269	Nguyễn Văn	Hưng	21/07/93	CD DTTT 11A	3.1	F4,9	07:30
270	Nguyễn Minh	Kha	12/05/93	CD DTTT 11A	5.8	F3,12	10:10
271	Trần Huy	Khiêm	27/12/93	CD DTTT 11A	5.2	F4,9	07:30
272	Lê Nguyên	Long	25/06/93	CD DTTT 11A	3.3	F3,12	10:10
273	Nguyễn	Lưu	12/07/93	CD DTTT 11A	7.0	F4,9	07:30
274	Phạm Văn	Nghĩa	20/07/93	CD DTTT 11A	5.0	F4,9	07:30
275	Trần Bá	Nhật	11/10/92	CD DTTT 11A	6.0	F3,12	10:10
276	Đỗ Minh	Phát	03/08/91	CD DTTT 11A	4.3	F4,9	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

7 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
277	Hồ Ngọc	Phú	16/03/93	CD DTTT 11A	7.8	F3,12	10:10
278	Thái Thành	Phước	17/10/93	CD DTTT 11A	5.6	F4,9	07:30
279	Trương Minh	Phương	30/03/93	CD DTTT 11A	6.1	F3,12	10:10
280	Hồ Văn	Quang	17/08/92	CD DTTT 11A	3.6	F4,9	07:30
281	Phạm Bảo	Quốc	27/05/93	CD DTTT 11A	3.4	F4,9	07:30
282	Trịnh Quang	Sinh	07/06/92	CD DTTT 11A	5.1	F3,12	10:10
283	Trần Bá Trường	Thọ	24/08/92	CD DTTT 11A	2.3	F4,9	07:30
284	Võ Chánh	Tín	16/04/93	CD DTTT 11A	5.0	F4,9	07:30
285	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	15/01/93	CD DTTT 11A	5.1	F3,12	10:10
286	Huỳnh Sơn	Tùng	02/08/93	CD DTTT 11A	4.0	F3,12	10:10
287	Mai Quốc	Việt	25/05/93	CD DTTT 11A	4.1	F4,9	07:30
288	Nguyễn Quang	Vinh	28/07/93	CD DTTT 11A	3.2	F3,12	10:10
289	Huỳnh Trung	Vũ	15/05/93	CD DTTT 11A	7.2	F4,9	07:30
290	Nguyễn Xuân	An	06/09/90	CD DTTT 11B	5.7	F4,9	07:30
291	Đông Trinh Nhất	Duy	09/09/93	CD DTTT 11B	4.0	F3,12	10:10
292	Võ Út	Hậu	18/08/93	CD DTTT 11B	3.8	F3,14	10:10
293	Trương Quang	Hiếu	04/05/93	CD DTTT 11B	3.6	F3,14	10:10
294	Nguyễn Minh	Hưng	27/01/93	CD DTTT 11B	2.8	F3,14	10:10
295	Nguyễn Văn	Hưng	15/05/90	CD DTTT 11B	5.0	F3,14	10:10
296	Kiều	Katê	15/10/93	CD DTTT 11B	3.3	F3,14	10:10
297	Phạm Dương	Khang	16/01/93	CD DTTT 11B	2.3	F4,9	07:30
298	Phan Thế	Mãi	20/02/93	CD DTTT 11B	2.4	F3,14	10:10
299	Trương Văn	Minh	17/12/93	CD DTTT 11B	7.1	F4,9	07:30
300	Lê Hoàng	Nam	08/12/93	CD DTTT 11B	3.5	F4,9	07:30
301	Phạm Quang	Nhiệm	20/12/92	CD DTTT 11B	3.7	F3,14	10:10
302	Phạm Quang Hoài	Nhớ	21/04/93	CD DTTT 11B	6.5	F4,9	07:30
303	Trần Thanh	Phong	06/05/93	CD DTTT 11B	2.4	F3,14	10:10
304	Vũ Đình	Quế	03/05/93	CD DTTT 11B	5.0	F4,9	07:30
305	Phan Phú	Quý	20/11/93	CD DTTT 11B	3.5	F3,14	10:10
306	Lê Công	Thành	28/05/93	CD DTTT 11B	3.4	F3,14	10:10
307	Nguyễn Văn	Thảo	03/02/91	CD DTTT 11B	2.0	F3,14	10:10
308	Đỗ Văn	Tịnh	10/04/93	CD DTTT 11B	2.1	F4,9	07:30
309	Phan Trọng	Trí	20/07/93	CD DTTT 11B	8.2	F4,9	07:30
310	Lê Ngô Thanh	Vũ	01/11/93	CD DTTT 11B	7.0	F4,9	07:30
311	Phan Đình Anh	Vũ	15/12/93	CD DTTT 11B	2.6	F4,9	07:30
312	Lê Cẩm	Hương	26/10/90	CD DTVT 08A	4.3	F4,9	07:30
313	Nguyễn Đức Cao	Nguyên	06/08/88	CD DTVT 08C	5.0	F4,9	07:30
314	Nguyễn Văn	Tài	05/06/89	CD DTVT 09A	4.0	F4,9	07:30
315	Ngô Chí	Hiếu	/ /90	CD DTVT 09B	3.3	F4,9	07:30
316	Nguyễn Đăng	Khương	10/06/91	CD DTVT 09B	3.8	F4,9	07:30
317	Võ Thành	Lâm	01/10/91	CD DTVT 09B	2.8	F4,9	07:30
318	Nguyễn Trọng	Nhân	06/11/91	CD DTVT 09B	6.1	F4,9	07:30
319	Phan Trọng	Nhân	05/07/90	CD DTVT 09B	4.2	F4,9	07:30
320	Nguyễn Thanh	Quang	20/06/91	CD DTVT 09B	7.1	F4,9	07:30
321	Trần Văn	Thiện	02/11/90	CD DTVT 09B	5.9	F4,9	07:30
322	Võ Hoài	Thuận	08/02/89	CD DTVT 09B	5.0	F4,9	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

8 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
323	Trần Đức	Tịnh	12/02/90	CD DTVT 09B	3.9	F4,10	07:30
324	Nguyễn Hoàng	Vũ	05/10/90	CD DTVT 09B	5.0	F4,10	07:30
325	Đoàn Hồng	Phúc	31/07/90	CD DTVT 09C	2.0	F4,10	07:30
326	Lê Đức	Thịnh	15/06/91	CD DTVT 09C	5.8	F4,10	07:30
327	Hồ Châu	Toàn	29/08/91	CD DTVT 09C	6.2	F4,10	07:30
328	Phan Thanh	Toàn	03/11/91	CD DTVT 09C	3.2	F4,10	07:30
329	Trần Thành	Toàn	20/06/91	CD DTVT 09C	5.0	F4,10	07:30
330	Nguyễn Lương	Bằng	22/02/92	CD DTVT 10A	2.6	F4,10	07:30
331	Trần Văn	Cường	29/05/92	CD DTVT 10A	5.0	F4,10	07:30
332	Võ Hoàng	Giang	09/09/92	CD DTVT 10A	3.7	F4,10	07:30
333	Huỳnh Duy	Luân	09/12/90	CD DTVT 10A	3.0	F4,10	07:30
334	Võ Đức	Phương	25/09/92	CD DTVT 10A	3.8	F4,10	07:30
335	Đỗ Quốc Anh	Quân	23/08/91	CD DTVT 10A	6.2	F4,10	07:30
336	Nguyễn Tuấn	Sang	29/04/92	CD DTVT 10A	5.0	F4,10	07:30
337	Phan Hoàng	Thân	25/12/92	CD DTVT 10A	7.0	F4,10	07:30
338	Trần Văn	Thanh	08/12/92	CD DTVT 10A	3.3	F4,10	07:30
339	Trần Minh	Thiện	09/02/92	CD DTVT 10A	6.2	F4,10	07:30
340	Huỳnh Tuấn	Vũ	13/11/92	CD DTVT 10A	6.6	F4,10	07:30
341	Dương Việt	Anh	25/01/91	CD DTVT 10B	3.3	F4,10	07:30
342	Ngô Quốc	Bảo	12/06/92	CD DTVT 10B	7.4	F4,10	07:30
343	Phan Trung	Chánh	26/10/92	CD DTVT 10B	3.5	F4,10	07:30
344	Lưu Văn	Cương	22/02/90	CD DTVT 10B	1.8	F4,10	07:30
345	Trần Hoàng	Đạt	05/01/91	CD DTVT 10B	5.0	F4,10	07:30
346	Trần Văn	Hoan	04/02/92	CD DTVT 10B	3.0	F4,10	07:30
347	Lê Quang	Hùng	25/08/91	CD DTVT 10B	5.2	F4,10	07:30
348	Lê Duy	Phương	26/06/92	CD DTVT 10B	5.7	F4,10	07:30
349	Huỳnh Văn	Quốc	26/10/92	CD DTVT 10B	7.9	F4,10	07:30
350	Võ Đức	Thiện	13/09/91	CD DTVT 10B	6.6	F4,10	07:30
351	Phạm Minh	Tuấn	17/01/92	CD DTVT 10B	4.2	F4,10	07:30
352	Nguyễn Ngọc	Vũ	20/01/92	CD DTVT 10B	5.9	F4,10	07:30
353	Nguyễn Thành	An	08/01/92	CD DTVT 10C	2.8	F4,10	07:30
354	Lưu Hoài	Nhân	21/10/92	CD DTVT 10C	6.0	F4,10	07:30
355	Huỳnh Văn	Tiên	01/01/92	CD DTVT 10C	5.5	F4,10	07:30
356	Trương Bội	Thư	13/04/91	CD KT 09B	7.5	F4,10	07:30
357	Trương Kim	Phụng	01/01/92	CD KT 10A	9.5	F4,10	07:30
358	Vương Thị Thanh	Thủy	28/05/92	CD KT 10A	5.3	F4,10	07:30
359	Nguyễn Thị Lan	Trinh	11/01/91	CD KT 10A	8.9	F4,11	07:30
360	Hồ Thị	Diễm	10/08/92	CD KT 11B	3.8	F3,14	10:10
361	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	06/01/93	CD KT 11B	5.0	F3,14	10:10
362	Nguyễn Thị	Đức	10/10/92	CD KT 11B	2.4	F3,14	10:10
363	Nguyễn Thị Kim	Duy	03/06/93	CD KT 11B	3.0	F3,14	10:10
364	Lê Thị Quỳnh	Hằng	06/06/93	CD KT 11B	3.8	F3,14	10:10
365	Bùi Thị Thúy	Hồng	04/10/93	CD KT 11B	4.3	F3,14	10:10
366	Nguyễn Thị ánh	Hồng	20/05/92	CD KT 11B	4.0	F3,14	10:10
367	Nguyễn Thị Cẩm	Ngân	04/05/92	CD KT 11B	3.7	F3,14	10:10
368	Phạm Nguyễn Kim	Ngọc	28/10/93	CD KT 11B	4.0	F3,14	10:10

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

9 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
369	Phạm Thị Mỹ	Nhớ	20/11/93	CD KT 11B	4.1	F3,14	10:10
370	Hồ Mỹ	Nhung	18/09/93	CD KT 11B	3.4	F3,14	10:10
371	Lê Thị	Nữ	09/06/93	CD KT 11B	5.0	F3,14	10:10
372	Thòng Quốc	Phụng	26/05/93	CD KT 11B	4.2	F3,14	10:10
373	Nguyễn Thị	Phượng	07/02/93	CD KT 11B	5.3	F3,14	10:10
374	Nguyễn Ngọc	Sơn	03/06/93	CD KT 11B	2.0	F3,14	10:10
375	Nguyễn Thị	Thi	04/10/93	CD KT 11B	5.0	F3,14	10:10
376	Võ Thị Kim	Thoa	08/12/93	CD KT 11B	3.5	F3,14	10:10
377	Phạm Thị Bích	Trâm	20/11/93	CD KT 11B	3.6	F3,14	10:10
378	Huỳnh Vũ Minh	Trang	10/02/93	CD KT 11B	5.5	F3,14	10:10
379	Vũ Thị	Trang	16/08/89	CD KT 11B	4.3	F3,14	10:10
380	Trần Thị Ngọc	Trinh	02/11/91	CD KT 11B	4.4	F3,14	10:10
381	Nguyễn Thanh	Tuyền	20/02/93	CD KT 11B	6.2	F3,14	10:10
382	Huỳnh Đình Bích	Vâng	17/11/93	CD KT 11B	2.4	F3,14	10:10
383	Lý Kim	Xuyến	03/06/93	CD KT 11B	4.1	F3,14	10:10
384	Hoàng Thị Thanh	Yến	24/06/93	CD KT 11B	5.6	F3,14	10:10
385	Võ Văn	Kiệt	20/09/89	CD NL 08	1.7	F4,11	07:30
386	Dương Hải	Đặng	06/06/91	CD NL 09	3.8	F4,11	07:30
387	Lê Tuấn	Em	27/12/91	CD NL 09	4.1	F4,11	07:30
388	Lê Minh	Nhật	13/08/89	CD NL 09	5.0	F4,11	07:30
389	Trần Nhật	Tân	15/02/91	CD NL 09	5.0	F4,11	07:30
390	Vương Ngọc	Thịnh	07/03/89	CD NL 09	6.4	F4,11	07:30
391	Nguyễn Minh	Thuận	03/02/91	CD NL 09	3.2	F4,11	07:30
392	Cao Minh	Tuấn	06/04/91	CD NL 09	5.3	F4,11	07:30
393	Nguyễn Minh	Tuấn	17/02/91	CD NL 09	5.3	F4,11	07:30
394	Trương Thanh	Tùng	09/03/91	CD NL 09	5.0	F4,11	07:30
395	Đỗ Công	Đạt	07/09/92	CD NL 10	2.6	F4,11	07:30
396	Kha Khung	Dương	05/10/91	CD NL 10	5.9	F4,11	07:30
397	Tô Khánh	Duy	28/02/91	CD NL 10	6.4	F4,11	07:30
398	Nguyễn Văn	Hiếu	20/08/92	CD NL 10	5.9	F4,11	07:30
399	Lê Văn	Hoàng	20/09/92	CD NL 10	3.6	F4,11	07:30
400	Phạm Minh	Hoàng	10/05/92	CD NL 10	5.3	F4,11	07:30
401	Lê Văn Ba	Lê	12/03/89	CD NL 10	4.5	F4,11	07:30
402	Nguyễn Nhật	Nam	19/09/92	CD NL 10	6.1	F4,11	07:30
403	Nguyễn Trọng	Phú	26/12/92	CD NL 10	3.2	F4,11	07:30
404	Lê Thọ	Quân	05/04/90	CD NL 10	5.2	F4,11	07:30
405	Phạm Ngọc	Tấn	05/07/91	CD NL 10	4.5	F4,11	07:30
406	Nguyễn Trung	Tánh	09/04/92	CD NL 10	6.6	F4,11	07:30
407	Nguyễn Anh	Thịnh	10/02/92	CD NL 10	2.1	F4,11	07:30
408	Ngô Văn	Trận	01/04/91	CD NL 10	3.8	F4,11	07:30
409	Hồ Sơn	Tùng	23/09/92	CD NL 10	5.3	F4,11	07:30
410	Đỗ Tiến Trường	Viên	21/10/92	CD NL 10	5.0	F4,11	07:30
411	Đoàn Thế	Vinh	26/07/92	CD NL 10	7.7	F4,11	07:30
412	Nguyễn Thanh	Ý	13/01/92	CD NL 10	4.1	F4,11	07:30
413	Ngô Nhật	An	12/03/93	CD NL 11	3.8	F4,11	07:30
414	Nguyễn Văn Toàn	Anh	26/03/92	CD NL 11	1.8	F4,11	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

10 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
415	Trần Quốc	Bảo	20/01/93	CD NL 11	2.6	F4,11	07:30
416	Kim Ngọc	Hiếu	19/07/93	CD NL 11	4.3	F4,11	07:30
417	Võ Điền Phúc	Khang	22/12/93	CD NL 11	3.6	F4,11	07:30
418	Phạm Nhật Vũ	Linh	16/04/93	CD NL 11	3.8	F4,11	07:30
419	Phan Huỳnh Thiên	Lộc	30/03/93	CD NL 11	4.5	F4,11	07:30
420	Vũ Minh	Quốc	28/12/93	CD NL 11	6.3	F4,11	07:30
421	Nguyễn Văn	Thế	09/12/92	CD NL 11	3.5	F4,11	07:30
422	Phùng Trung	Thiện	13/09/93	CD NL 11	4.3	F4,11	07:30
423	Nguyễn Minh	Thư	08/10/93	CD NL 11	2.9	F4,12	07:30
424	Bùi Mạnh	Thường	23/07/93	CD NL 11	1.6	F4,12	07:30
425	Nguyễn Thanh	Triết	23/03/93	CD NL 11	3.3	F4,12	07:30
426	Vũ Mạnh	Trung	27/05/93	CD NL 11	3.5	F4,12	07:30
427	Hồ Công	Việt	/ /93	CD NL 11	4.5	F4,12	07:30
428	Nguyễn Hoàng	Vũ	28/07/92	CD NL 11	5.0	F4,12	07:30
429	Lê Anh	Khoa	27/10/90	CD OTO 08B	3.0	F4,12	07:30
430	Hoàng Văn	Khánh	28/12/90	CD OTO 09A	4.0	F4,12	07:30
431	Nguyễn Đình	Tám	29/09/89	CD OTO 09A	6.8	F4,12	07:30
432	Võ Trường	Cảnh	07/04/91	CD OTO 09C	8.6	F4,12	07:30
433	Bùi Phú	Cường	01/10/90	CD OTO 09C	5.0	F4,12	07:30
434	Huỳnh Thanh	Dân	09/05/92	CD OTO 10A	5.0	F4,12	07:30
435	Nguyễn Tấn	Đạt	30/07/92	CD OTO 10A	5.5	F4,12	07:30
436	Đoàn Ngọc	Điệp	12/10/92	CD OTO 10A	3.4	F4,12	07:30
437	Nguyễn Tiến	Dũng	22/08/90	CD OTO 10A	2.4	F4,12	07:30
438	Lương Văn	Hiếu	26/12/92	CD OTO 10A	4.1	F4,12	07:30
439	Đỗ Thái	Học	28/03/92	CD OTO 10A	5.0	F4,12	07:30
440	Lê Minh	Huy	18/10/91	CD OTO 10A	6.3	F4,12	07:30
441	Nguyễn Thanh	Liên	20/07/92	CD OTO 10A	6.1	F4,12	07:30
442	Trương Hoàng	Minh	29/06/92	CD OTO 10A	5.7	F4,12	07:30
443	Phạm Ngọc	Thuận	25/02/92	CD OTO 10A	9.3	F4,12	07:30
444	Nguyễn Đức	Trung	09/02/92	CD OTO 10A	6.4	F4,12	07:30
445	Lê Đức	Y	19/06/91	CD OTO 10A	5.2	F4,12	07:30
446	Khúc Văn	Bền	27/12/92	CD OTO 10B	5.8	F4,12	07:30
447	Chung Trọng	Dân	23/09/92	CD OTO 10B	5.0	F4,12	07:30
448	Trần Oai	Dinh	02/08/89	CD OTO 10B	5.3	F4,12	07:30
449	Trần Thành	Đô	13/07/92	CD OTO 10B	4.1	F4,12	07:30
450	Võ Tấn	Nhát	06/12/92	CD OTO 10B	5.0	F4,12	07:30
451	Đặng Bá	Quân	10/11/91	CD OTO 10B	5.0	F4,14	07:30
452	Nguyễn Duy	Tâm	14/08/86	CD OTO 10B	6.6	F4,14	07:30
453	Phan Thành	Trung	08/11/92	CD OTO 10B	7.5	F4,14	07:30
454	Trần Quốc	Định	28/07/92	CD OTO 10C	5.4	F4,14	07:30
455	Trương Thanh	Liên	26/01/91	CD OTO 10C	3.9	F4,14	07:30
456	Nguyễn Xuân	Lộc	01/01/92	CD OTO 10C	7.9	F4,14	07:30
457	Tô Tuấn	Long	01/12/92	CD OTO 10C	5.7	F4,14	07:30
458	Cao Văn	Ngọc	15/10/90	CD OTO 10C	5.0	F4,14	07:30
459	Trang Lê Minh	Trung	02/09/90	CD OTO 10C	6.2	F4,14	07:30
460	Nguyễn Hoàng	Anh	14/06/91	CD OTO 10D	5.8	F4,14	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

11 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
461	Soc Công De	Diez	16/03/90	CD OTO 10D	7.1	F4,14	07:30
462	Lê Bá	Duy	17/02/92	CD OTO 10D	5.3	F4,14	07:30
463	Hồ Phi	Hiệp	13/07/91	CD OTO 10D	5.2	F4,14	07:30
464	Đoàn Ngọc	Hội	02/11/91	CD OTO 10D	3.9	F4,14	07:30
465	Phan Tấn	Hưng	19/12/92	CD OTO 10D	2.4	F4,14	07:30
466	Vi Văn	Nam	03/07/89	CD OTO 10D	5.5	F4,14	07:30
467	Nguyễn Hữu Thanh	Phong	28/07/92	CD OTO 10D	4.4	F4,14	07:30
468	Huỳnh Kim	Phước	18/09/92	CD OTO 10D	5.0	F4,14	07:30
469	Mai Xuân	Tâm	13/08/92	CD OTO 10D	5.9	F4,14	07:30
470	Vũ Ngọc	Thanh	17/10/91	CD OTO 10D	5.6	F4,14	07:30
471	Trần Văn	Trân	01/01/91	CD OTO 10D	6.7	F4,14	07:30
472	Nguyễn Thọ	Triều	10/02/92	CD OTO 10D	2.2	F4,14	07:30
473	Hoàng Văn	An	04/08/93	CD OTO 11A	4.4	F4,14	07:30
474	Hồ Vũ Hoài	Nhân	10/09/92	CD OTO 11A	2.4	F4,14	07:30
475	Nguyễn Hoàng	Phú	19/09/93	CD OTO 11A	4.4	F4,14	07:30
476	Cao Thanh	Quang	20/09/93	CD OTO 11A	2.6	F4,14	07:30
477	Nguyễn Đăng	Quang	22/04/93	CD OTO 11A	3.9	F4,14	07:30
478	Nguyễn Minh	Quốc	10/12/93	CD OTO 11A	3.8	F4,14	07:30
479	Văn Hồng	Sơn	12/10/93	CD OTO 11A	5.3	F4,14	07:30
480	Nguyễn Hoàng	Tâm	23/08/93	CD OTO 11A	2.1	F4,14	07:30
481	Lưu Văn	Thanh	28/06/92	CD OTO 11A	2.2	F4,14	07:30
482	Nguyễn Tiến	Thành	03/11/92	CD OTO 11A	3.3	F4,14	07:30
483	Trần Tân	Thành	02/07/93	CD OTO 11A	3.0	F4,14	07:30
484	Võ Minh	Trung	13/02/93	CD OTO 11A	3.8	F4,14	07:30
485	Châu Thanh	Tùng	22/09/92	CD OTO 11A	4.1	F4,14	07:30
486	Lâm Tuấn	Vũ	22/10/93	CD OTO 11A	2.1	F4,14	07:30
487	Nguyễn Phạm Đức	Anh	23/10/93	CD OTO 11B	3.3	F4,14	07:30
488	Phan Thành	Được	23/10/93	CD OTO 11B	3.1	F4,14	07:30
489	Nguyễn Ngọc	Duy	02/11/91	CD OTO 11B	8.4	F4,14	07:30
490	Đình Chí	Hiếu	10/05/93	CD OTO 11B	3.2	F5,1	07:30
491	Lê Vi	Khang	05/04/93	CD OTO 11B	5.0	F5,1	07:30
492	Hà Đức	Khiết	10/04/93	CD OTO 11B	3.3	F5,1	07:30
493	Mai Văn	Linh	21/03/93	CD OTO 11B	3.3	F5,1	07:30
494	Hoàng Minh	Phước	22/06/92	CD OTO 11B	3.2	F5,1	07:30
495	Phạm Văn	Quang	00/05/93	CD OTO 11B	3.2	F5,1	07:30
496	Phạm Hưng	Quốc	04/06/92	CD OTO 11B	6.1	F5,1	07:30
497	Phạm Thái	Sơn	09/08/91	CD OTO 11B	3.4	F5,1	07:30
498	Võ Thái	Sơn	02/12/93	CD OTO 11B	2.4	F5,1	07:30
499	Phạm Văn	Tài	28/07/93	CD OTO 11B	4.4	F5,1	07:30
500	Nguyễn Văn	Tèo	01/01/93	CD OTO 11B	2.3	F5,1	07:30
501	Lê Đình	Tuấn	12/12/93	CD OTO 11B	4.2	F5,1	07:30
502	Lê Hoàng	Tuấn	20/01/93	CD OTO 11B	3.7	F5,1	07:30
503	Phan Linh	Vũ	18/06/91	CD OTO 11B	2.6	F5,1	07:30
504	Đặng Văn Tuấn	Vũ	13/08/92	CD OTO 11B	5.0	F5,1	07:30
505	Nguyễn Tiến	Bảo	25/05/93	CD OTO 11C	3.3	F5,1	07:30
506	Nguyễn Văn	Đậu	20/06/93	CD OTO 11C	6.5	F5,1	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

12 - A1

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
507	Ngô Quốc Dũng	10/10/93	CD OTO 11C	1.7	F5,1	07:30
508	Huỳnh Văn Dũng	05/07/93	CD OTO 11C	6.4	F5,1	07:30
509	Đỗ Chí Hải	29/08/93	CD OTO 11C	2.6	F5,1	07:30
510	Đặng Võ Thế Hùng	23/12/93	CD OTO 11C	2.8	F5,1	07:30
511	Đỗ Mạnh Hưng	18/12/92	CD OTO 11C	2.8	F5,1	07:30
512	Nguyễn Chính Nhân	20/01/91	CD OTO 11C	5.8	F5,1	07:30
513	Nguyễn Lý Ân	25/01/93	CD OTO 11D	5.5	F5,1	07:30
514	Phạm Tuấn Anh	16/08/93	CD OTO 11D	2.0	F5,1	07:30
515	Nguyễn Đức Dũng	22/03/93	CD OTO 11D	2.0	F5,1	07:30
516	Hồ Quốc Hiếu	21/05/93	CD OTO 11D	2.9	F5,1	07:30
517	Trần Văn Hóa	01/02/93	CD OTO 11D	6.6	F5,1	07:30
518	Nguyễn Thái Học	31/07/91	CD OTO 11D	5.0	F5,1	07:30
519	Hoàng Minh Khanh	30/11/93	CD OTO 11D	6.5	F5,1	07:30
520	Nguyễn Văn Lanh	12/12/93	CD OTO 11D	3.8	F5,1	07:30
521	Nguyễn Bá Pháp	22/10/91	CD OTO 11D	5.0	F5,1	07:30
522	Phạm Ngọc Quân	10/09/93	CD OTO 11D	2.9	F5,1	07:30
523	Lê Đình Quyền	16/07/90	CD OTO 11D	6.1	F5,2	07:30
524	Trần Thanh Tân	10/06/93	CD OTO 11D	3.4	F5,2	07:30
525	Nguyễn Văn Tính	16/01/92	CD OTO 11D	7.1	F5,2	07:30
526	Trần Minh Trí	25/11/92	CD OTO 11D	4.1	F5,2	07:30
527	Phạm Minh Trường	09/04/93	CD OTO 11D	6.3	F5,2	07:30
528	Trần Văn Chính	12/10/81	CD OTO LT 11	6.5	F5,2	07:30
529	Đỗ Hồng Giang		CD OTO LT 11	3.9	F5,2	07:30
530	Lê Trung Kiên	15/12/88	CD OTO LT 11	5.8	F5,2	07:30
531	Trần Văn Minh	01/11/88	CD OTO LT 11	6.9	F5,2	07:30
532	Lê Quế	23/11/83	CD OTO LT 11	5.7	F5,2	07:30
533	Lý Văn Tính	02/12/89	CD OTO LT 11	7.1	F5,2	07:30
534	Chu Văn Hợi	22/10/88	CD TD 09	5.0	F5,2	07:30
535	Huỳnh Khánh An	01/06/92	CD TD 10	7.8	F5,2	07:30
536	Lê Đức Anh	02/02/92	CD TD 10	6.5	F5,2	07:30
537	Trần Võ Quyền Anh	19/05/92	CD TD 10	4.1	F5,2	07:30
538	Phạm Hùng Cường	29/12/92	CD TD 10	5.0	F5,2	07:30
539	Nguyễn Thành Đứng	19/10/92	CD TD 10	7.0	F5,2	07:30
540	Lê Văn Hậu	18/04/91	CD TD 10	4.4	F5,2	07:30
541	Huỳnh Tấn Lực	01/10/91	CD TD 10	5.6	F5,2	07:30
542	Nguyễn Hoàng Sơn	12/01/92	CD TD 10	7.8	F5,2	07:30
543	Lê Ngọc Tâm	01/11/92	CD TD 10	4.5	F5,2	07:30
544	Trần Hoài Thanh	19/03/92	CD TD 10	6.2	F5,2	07:30
545	Trịnh Thương	11/09/91	CD TD 10	2.9	F5,2	07:30
546	Đỗ Văn Thủy	14/08/91	CD TD 10	3.6	F5,2	07:30
547	Lê Chí Trung	23/05/92	CD TD 10	4.2	F5,2	07:30
548	Lê Xuân Việt	05/08/92	CD TD 10	6.8	F5,2	07:30
549	Bùi Trần Hoàng Anh	22/06/93	CD TD 11A	3.2	F5,2	07:30
550	Lưu Bá Bình	10/04/93	CD TD 11A	6.6	F5,2	07:30
551	Lê Quốc Cường	15/11/91	CD TD 11A	4.2	F5,2	07:30
552	Trần Công Danh	18/02/92	CD TD 11A	5.2	F5,2	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

13 - A1

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
553	Bùi Trung Du	02/01/93	CD TD 11A	3.2	F5,2	07:30
554	Vũ Trung Hiếu	10/07/93	CD TD 11A	5.0	F5,2	07:30
555	Lương Vũ Hoàng	04/01/93	CD TD 11A	6.5	F5,2	07:30
556	Lê Hoàng Long	10/12/92	CD TD 11A	2.6	F5,2	07:30
557	Lê Hoài Nhân	14/02/93	CD TD 11A	4.3	F5,2	07:30
558	Nguyễn Đức Phong	06/07/93	CD TD 11A	2.2	F5,2	07:30
559	Liu Thế Quang	10/07/93	CD TD 11A	5.9	F5,2	07:30
560	Phạm Văn Sĩ	27/10/93	CD TD 11A	3.3	F5,3	07:30
561	Phạm Duy Sơn	15/07/93	CD TD 11A	2.9	F5,3	07:30
562	Phan Văn Thắng	21/10/91	CD TD 11A	2.2	F5,3	07:30
563	Lê Tuấn Thanh	03/01/93	CD TD 11A	3.7	F5,3	07:30
564	Nguyễn Đình Thế	15/07/93	CD TD 11A	5.0	F5,3	07:30
565	Nguyễn Duy Thiện	12/08/93	CD TD 11A	5.0	F5,3	07:30
566	Nguyễn Ngọc Tính	11/11/93	CD TD 11A	5.0	F5,3	07:30
567	Đặng Minh Trí	09/07/93	CD TD 11A	7.2	F5,3	07:30
568	Huỳnh Duy Vũ	15/04/93	CD TD 11A	2.3	F5,3	07:30
569	Vũ Đình Vũ	02/12/92	CD TD 11A	1.8	F5,3	07:30
570	Hắc Duy Công	14/10/93	CD TD 11B	4.0	F5,3	07:30
571	Lê Văn Cường	28/02/93	CD TD 11B	5.0	F5,3	07:30
572	Đào Văn Duyệt	18/02/90	CD TD 11B	2.9	F5,3	07:30
573	Nguyễn Duy Tân	07/08/93	CD TD 11B	3.6	F5,3	07:30
574	Nguyễn Trọng Vũ	24/01/92	CD TD 11B	6.4	F5,3	07:30
575	Lưu Xuân Hiền	10/10/90	CD TH 08B	5.1	F5,3	07:30
576	Nguyễn Minh Linh	17/10/90	CD TH 09A	3.3	F5,3	07:30
577	Lê Chí Hiếu	08/10/90	CD TH 10 B	5.0	F5,2	07:30
578	Đậu Xuân Bắc	29/06/92	CD TH 10A	4.5	F5,3	07:30
579	Lê Trung Hiếu	/ /91	CD TH 10A	4.5	F5,3	07:30
580	Phùng Nhật Khánh	12/12/92	CD TH 10A	6.0	F5,3	07:30
581	Trịnh Tuấn Long	26/03/92	CD TH 10A	5.0	F5,3	07:30
582	Nguyễn Hải Lưu	14/08/92	CD TH 10A	5.8	F5,3	07:30
583	Nguyễn Hoàng Nam	20/01/91	CD TH 10A	5.0	F5,3	07:30
584	Nguyễn Phi Trường	16/03/91	CD TH 10A	5.0	F5,3	07:30
585	Dương Thị Yến	14/12/92	CD TH 10A	6.7	F5,3	07:30
586	Trần Quảng Dũng	23/06/91	CD TH 10B	3.4	F5,3	07:30
587	Nguyễn Văn Duy	26/06/92	CD TH 10B	5.2	F5,3	07:30
588	Hồ Văn Hội	26/07/92	CD TH 10B	5.0	F5,3	07:30
589	Nguyễn Văn Thanh	05/07/91	CD TH 10B	6.5	F5,3	07:30
590	Lê Duy Bình	05/04/93	CD TH 11A	3.2	F5,3	07:30
591	Ngô Quang Công	12/10/93	CD TH 11A	5.5	F5,3	07:30
592	Nguyễn Tiến Đạt	10/10/93	CD TH 11A	2.8	F5,3	07:30
593	Lê Hoài Đức	24/02/93	CD TH 11A	3.7	F5,3	07:30
594	Nguyễn Trường Giang	26/07/92	CD TH 11A	5.5	F5,3	07:30
595	Hà Chấn Hào	17/04/93	CD TH 11A	4.1	F5,3	07:30
596	Thái Hiền	12/12/93	CD TH 11A	5.0	F5,3	07:30
597	Bùi Tấn Lân	28/01/93	CD TH 11A	2.8	F5,3	07:30
598	Cao Hữu Nghị	22/02/93	CD TH 11A	3.2	F5,3	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

14 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
599	Nguyễn Cao	Quý	09/07/93	CD TH 11A	3.7	F5,3	07:30
600	Nguyễn Quang	Sang	19/03/88	CD TH 11A	2.9	F3,14	10:10
601	Tổng Trường	Sơn	04/01/93	CD TH 11A	3.0	F5,3	07:30
602	Nguyễn Hoài	Thanh	12/12/93	CD TH 11A	4.1	F5,8	07:30
603	Võ Thị Cẩm	Tú	24/02/92	CD TH 11A	4.2	F5,8	07:30
604	Phạm Hoàng	Tuấn	02/10/93	CD TH 11A	4.3	F5,8	07:30
605	Lê Minh	Tuyển	13/04/93	CD TH 11A	5.9	F5,8	07:30
606	Trần Hồng	Anh	03/02/93	CD TH 11B	3.7	F5,8	07:30
607	Ngô Hải	Đăng	09/11/93	CD TH 11B	3.6	F5,8	07:30
608	Nguyễn Hoàng	Hân	17/02/93	CD TH 11B	3.6	F5,8	07:30
609	Lâm Thị	Hằng	12/08/91	CD TH 11B	5.0	F5,8	07:30
610	Mai Thanh	Hữu	16/05/93	CD TH 11B	3.8	F5,8	07:30
611	Vũ Hoàng	Linh	20/02/93	CD TH 11B	5.0	F5,8	07:30
612	Nguyễn Văn	Lộc	01/03/93	CD TH 11B	5.7	F5,8	07:30
613	Đào Duy	Long	24/04/93	CD TH 11B	3.0	F5,8	07:30
614	Lê Quốc	Tân	27/03/92	CD TH 11B	3.6	F5,8	07:30
615	Nguyễn Lê Thanh	Tú	31/03/93	CD TH 11B	3.4	F5,8	07:30
616	Nguyễn Quốc	Vũ	06/11/92	CD TH 11B	2.4	F5,8	07:30
617	Đình Thành	An	20/09/92	CD TH 11C	3.9	F5,8	07:30
618	Đoàn Hiền	Đức	13/09/93	CD TH 11C	5.0	F5,8	07:30
619	Vũ Đức	Duy	30/08/92	CD TH 11C	3.6	F5,8	07:30
620	Nguyễn Anh	Hiền	07/05/93	CD TH 11C	5.0	F5,8	07:30
621	Huỳnh Trung	Hiếu	02/07/93	CD TH 11C	5.0	F5,8	07:30
622	Vũ Nguyễn Anh	Huy	19/09/93	CD TH 11C	5.7	F5,8	07:30
623	Vũ Nguyễn Anh	Khoa	01/11/93	CD TH 11C	5.3	F5,8	07:30
624	Trần Trọng	Lễ	09/03/93	CD TH 11C	5.7	F5,8	07:30
625	Nguyễn Trương Nhật	Nam	15/08/93	CD TH 11C	3.9	F5,8	07:30
626	Bạch Thanh	Nhuận	08/11/93	CD TH 11C	5.0	F5,8	07:30
627	Nguyễn Ngọc	Phước	18/05/93	CD TH 11C	3.6	F5,8	07:30
628	Nguyễn Minh	Tân	14/01/92	CD TH 11C	3.2	F5,8	07:30
629	Đặng Văn	Trụ	22/04/92	CD TH 11C	3.5	F5,8	07:30
630	Trần Quốc	Vũ	28/02/93	CD TH 11C	2.9	F5,8	07:30
631	Trần Thị Hoàng	Yến	01/10/93	CD TH 11C	5.0	F5,8	07:30
632	Cao Văn	Luân	24/10/87	CDN CGKL 08	0.0	F5,8	07:30
633	Nguyễn Thành	Luân	13/01/90	CDN CGKL 08	4.3	F5,8	07:30
634	Đỗ Phạm Trung	Nghĩa	29/08/90	CDN CGKL 08	0.0	F5,8	07:30
635	Nguyễn Hoàn	Minh	01/07/87	CDN CGKL 09	4.2	F5,8	07:30
636	Trần Bình	Đăng	04/09/92	CDN CGKL 10	3.0	F5,8	07:30
637	Huỳnh Tấn	Đạt	17/11/91	CDN CGKL 10	2.6	F5,10	07:30
638	Hoàng Văn	Dược	13/09/91	CDN CGKL 10	6.7	F5,10	07:30
639	Hoàng Trung	Kiên	15/09/89	CDN CGKL 10	4.1	F5,10	07:30
640	Ngô Quang	Mạnh	27/01/91	CDN CGKL 10	3.4	F5,10	07:30
641	Trần Hùng	Sơn	20/12/82	CDN CGKL 10	5.0	F5,10	07:30
642	Nguyễn Bá	Thành	10/11/91	CDN CGKL 10	5.1	F5,10	07:30
643	Trần Trọng	Trí	06/05/91	CDN CGKL 10	3.2	F5,10	07:30
644	Nguyễn Thành	Trung	25/07/91	CDN CGKL 10	5.9	F5,10	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

15 - A1

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
645	Nguyễn Quang Trường	11/06/90	CDN CGKL 10	3.0	F5,10	07:30
646	Trần Văn Tú	28/12/87	CDN CGKL 10	3.6	F5,10	07:30
647	Nguyễn Đăng Dũng	15/05/90	CDN DCN 08A	4.3	F5,10	07:30
648	Nguyễn Văn Kiên	10/09/90	CDN DCN 08A	3.4	F5,10	07:30
649	Nguyễn Văn Nhu	08/01/86	CDN DCN 08A	1.5	F5,10	07:30
650	Nguyễn Mạnh Sơn	23/09/88	CDN DCN 08A	2.5	F5,10	07:30
651	Nguyễn Văn Trí	06/10/89	CDN DCN 09A	4.0	F5,10	07:30
652	Nguyễn Tiến Vững	20/07/84	CDN DCN 09A	vp	F5,10	07:30
653	Đặng Văn Sơn	26/08/91	CDN DCN 09B	5.0	F5,10	07:30
654	Trần Hải Đăng	18/12/90	CDN DCN 10A	5.1	F5,10	07:30
655	Nguyễn Thành Hoàn	16/04/92	CDN DCN 10A	2.3	F5,10	07:30
656	Lợi Quang Huy	14/04/89	CDN DCN 10A	0.2	F5,10	07:30
657	Nguyễn Hữu Lợi	14/08/92	CDN DCN 10A	1.6	F5,10	07:30
658	Phan Hồng Phú	24/01/92	CDN DCN 10A	2.4	F5,10	07:30
659	Bùi Ngọc Quang	15/06/91	CDN DCN 10A	5.7	F5,10	07:30
660	Phan Nhật Quang	04/01/91	CDN DCN 10A	2.7	F5,10	07:30
661	Phan Quốc Sơn	08/10/92	CDN DCN 10A	5.0	F5,10	07:30
662	Thái Thanh Thật	05/02/92	CDN DCN 10A	3.6	F5,10	07:30
663	Nguyễn Thành Luân	14/09/91	CDN DCN 10B	3.8	F5,10	07:30
664	Võ Thành Nam	24/08/92	CDN DCN 10B	3.7	F5,10	07:30
665	Nguyễn Ngọc Phin	20/04/92	CDN DCN 10B	3.5	F5,10	07:30
666	Trần Văn Quân	10/05/90	CDN DCN 10B	5.0	F5,10	07:30
667	Trần Đăng Thông	15/11/91	CDN DCN 10B	5.0	F5,10	07:30
668	Lê Thanh Tiền	03/01/92	CDN DCN 10B	9.4	F5,10	07:30
669	Nguyễn Văn Tuấn	12/08/91	CDN DCN 10B	5.0	F5,10	07:30
670	Nguyễn Trí Minh	01/02/88	CDN DTCN 08B	5.9	F5,11	07:30
671	Nguyễn Văn Nhìn	04/05/88	CDN DTCN 08B	3.1	F5,11	07:30
672	Nguyễn Văn Thành	24/04/89	CDN DTCN 08B	4.0	F5,11	07:30
673	Võ Minh Thiện	21/04/90	CDN DTCN 08B	6.0	F5,11	07:30
674	Lâm Thiệu Toàn	03/07/90	CDN DTCN 08B	3.7	F5,11	07:30
675	Lê Thành Trung	1985	CDN DTCN 08B	3.2	F5,11	07:30
676	Vũ Huy Đạt	20/04/92	CDN DTCN 10	4.5	F5,11	07:30
677	Nguyễn Kim Hòa	19/05/92	CDN DTCN 10	5.8	F5,11	07:30
678	Trần Đình Hồng	19/03/91	CDN DTCN 10	2.5	F5,11	07:30
679	Trần Đại Linh	17/04/79	CDN DTCN 10	4.1	F5,11	07:30
680	Đặng Nguyễn Hoàng Nam	14/11/92	CDN DTCN 10	6.5	F5,11	07:30
681	Nguyễn Văn Nghĩa	01/06/91	CDN DTCN 10	4.2	F5,11	07:30
682	Đoàn Vũ Ngọc Phát	07/11/92	CDN DTCN 10	5.1	F5,11	07:30
683	Nguyễn Minh Quân	03/06/92	CDN DTCN 10	4.4	F5,11	07:30
684	Võ Thanh Sang	27/12/92	CDN DTCN 10	5.3	F5,11	07:30
685	Huỳnh Xuân Thuận	15/11/88	CDN DTCN 10	5.0	F5,11	07:30
686	Ngô Đình Kiên	10/09/89	CDN HAN 08	4.5	F5,11	07:30
687	Nguyễn Giang Sơn	11/01/90	CDN HAN 08	1.7	F5,11	07:30
688	Trần Quốc Tuấn	28/01/89	CDN HAN 08	6.4	F5,11	07:30
689	Tổng Văn Tuấn	14/06/90	CDN KTML 08	7.7	F5,11	07:30
690	Trương Chí Đức	18/01/88	CDN KTML 09	8.8	F5,11	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

16 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
691	Vương Quốc	Anh	10/02/90	CDN KTML 10	1.5	F5,11	07:30
692	Chiếng Quyết	Cường	22/11/92	CDN KTML 10	7.7	F5,11	07:30
693	Phạm Tấn	Dương	26/07/92	CDN KTML 10	4.4	F5,11	07:30
694	Thạch Minh	Hậu	05/10/88	CDN KTML 10	6.3	F5,11	07:30
695	Phạm Văn	Khoại	12/05/92	CDN KTML 10	3.9	F5,11	07:30
696	Trần Văn	Lương	08/12/92	CDN KTML 10	2.3	F5,11	07:30
697	Dư Trọng	Nghĩa	03/01/91	CDN KTML 10	2.9	F5,11	07:30
698	Nguyễn Văn	Sáu	09/07/92	CDN KTML 10	3.1	F5,11	07:30
699	Nguyễn Duy	Tài	26/05/91	CDN KTML 10	2.5	F5,11	07:30
700	Nguyễn Minh	Thái	09/05/87	CDN KTML 10	7.4	F5,11	07:30
701	Đỗ Đông	Thành	05/12/91	CDN KTML 10	4.1	F5,11	07:30
702	Đỗ Quang	Trọng	19/01/90	CDN KTML 10	3.5	F5,11	07:30
703	Nguyễn Minh	Dương	04/03/89	CDN OTO 08A	4.2	F5,11	07:30
704	Phạm Hoàng	Lâm	12/01/88	CDN OTO 08A	3.7	F5,11	07:30
705	Hoàng Thanh	Long	18/09/85	CDN OTO 08A	7.3	F5,11	07:30
706	Lê Đình	Sơn	30/06/89	CDN OTO 08A	1.6	F5,11	07:30
707	Đỗ Cao	Quý	01/12/77	CDN OTO 08B	5.0	F5,11	07:30
708	Nguyễn Tấn	Cường	27/12/90	CDN OTO 09A	5.0	F5,11	07:30
709	Nguyễn Vũ	Huy	20/02/90	CDN OTO 09A	5.0	F5,11	07:30
710	Trần Công	Luân	25/07/90	CDN OTO 09A	3.2	F5,11	07:30
711	Phùng Văn	Nhạc	21/07/91	CDN OTO 09A	6.0	F5,11	07:30
712	Phạm Đăng	Duẩn	04/10/89	CDN OTO 09B	2.6	F5,11	07:30
713	Nguyễn Trung	Hậu	08/05/91	CDN OTO 09B	3.4	F5,11	07:30
714	Trần Quang	Hùng	17/08/91	CDN OTO 09B	6.3	F5,11	07:30
715	Trần Mai	Khải	06/06/89	CDN OTO 09B	2.0	F5,12	07:30
716	Phan Văn Thanh	Linh	26/01/88	CDN OTO 09B	5.5	F5,12	07:30
717	Lê Tấn	Tài	03/01/86	CDN OTO 09B	7.0	F5,12	07:30
718	Nguyễn Thái	Tài	22/11/90	CDN OTO 09B	4.4	F5,12	07:30
719	Lê Minh	Tân	29/05/91	CDN OTO 09B	4.0	F5,12	07:30
720	Nguyễn Chí	Thành	29/03/83	CDN OTO 09B	7.5	F5,12	07:30
721	Hoàng Nhật	Hải	23/03/92	CDN OTO 10A	6.4	F5,12	07:30
722	Nguyễn Phúc	Hưng	24/09/91	CDN OTO 10A	3.1	F5,12	07:30
723	Nguyễn Tuấn	Kha	19/09/87	CDN OTO 10A	5.6	F5,12	07:30
724	Nguyễn Đình	Lĩnh	13/07/91	CDN OTO 10A	3.0	F5,12	07:30
725	Vũ Văn	Minh	14/09/91	CDN OTO 10A	3.9	F5,12	07:30
726	Trần Quốc	Nhã	24/08/92	CDN OTO 10A	6.0	F5,12	07:30
727	Trần Văn	Nhân	29/02/88	CDN OTO 10A	2.2	F5,12	07:30
728	Nguyễn Văn	Tân	24/04/91	CDN OTO 10A	2.4	F5,12	07:30
729	Phạm Văn	Tuân	16/02/91	CDN OTO 10A	1.9	F5,12	07:30
730	Lê Tứ	Hải	18/07/87	CDN OTO 10B	7.2	F5,12	07:30
731	Trần Minh	Tuấn	20/08/90	CDN QTM 08	6.2	F5,12	07:30
732	Huỳnh Công	Bảo	25/02/90	CDN QTM 08A	4.1	F5,12	07:30
733	Nguyễn Hoàng	Long	09/03/90	CDN QTM 08A	5.0	F5,12	07:30
734	Nguyễn Thanh	Phương	10/04/89	CDN QTM 08A	4.2	F5,12	07:30
735	Phan Vũ Tấn	Phong	04/01/86	CDN SCCK 08	2.9	F5,12	07:30
736	Trần Văn	Du	19/10/91	CDN SCCK 09	6.5	F5,12	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

17 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
737	Mai Thiện	Tâm	10/02/87	CDN SCCK 09	8.6	F5,12	07:30
738	Nguyễn Đình	Huy	03/10/84	CDN SCCK 10	8.2	F5,12	07:30
739	Nguyễn Văn	Hỷ	11/10/89	CDN SCCK 10	1.9	F5,12	07:30
740	Cil	Loanh	13/09/89	CDN SCCK 10	2.3	F5,12	07:30
741	Nguyễn Huỳnh Tấn	Phát	09/10/92	CDN SCCK 10	3.4	F5,12	07:30
742	Đỗ Văn	Phúc	12/06/91	CDN SCCK 10	3.0	F5,12	07:30
743	Lý Chí	Tâm	//92	CDN SCCK 10	4.1	F5,12	07:30
744	Nguyễn Thanh	Tòng	12/02/92	CDN SCCK 10	6.5	F5,12	07:30
745	Phan Thành	Tuân	03/05/92	CDN SCCK 10	2.4	F5,12	07:30
746	Trần Ngọc Phương	Thảo	01/01/86	CDN SCMT 08A	2.8	F5,12	07:30
747	Huỳnh Duy	Thanh	15/05/90	CDN SCMT 08B	4.1	F5,12	07:30
748	Phạm Khánh	Duy	06/01/89	CDN SCMT 10	3.8	F5,13	07:30
749	Phạm Văn	Thứ	19/07/89	CDN SCMT 10	7.1	F5,13	07:30
750	Trịnh Thành	Trung	01/11/90	CDN SCMT 10	2.1	F5,13	07:30
751	Nguyễn Thế	Long	26/08/90	CDN SMT 09	7.0	F5,13	07:30
752	Thân Nhân	Lưu	04/09/91	CDN SMT 09	7.2	F5,13	07:30
753	Nguyễn Tấn	Lộc	19/11/90	TC CTCK 08A	2.2	F5,13	07:30
754	Phạm Hữu	Thành	16/02/90	TC CTCK 08A	3.7	F5,13	07:30
755	Lê Đức	Nghị	05/04/90	TC CTCK 08B	4.2	F5,13	07:30
756	Trần Phú	Quý	04/12/90	TC CTCK 08B	4.2	F5,13	07:30
757	Đặng Ngọc	Tiến	08/10/89	TC CTCK 08B	5.2	F5,13	07:30
758	Đỗ Hải	Ngọc	01/01/88	TC CTCK 08D	2.9	F5,13	07:30
759	Nguyễn Hồng	Giang	04/06/91	TC CTCK 10A	7.1	F5,13	07:30
760	Trần Tấn	Phước	16/03/92	TC CTCK 10A	7.6	F5,13	07:30
761	Võ Đoàn	Quân	12/03/91	TC CTCK 10A	5.0	F5,13	07:30
762	Đặng Châu	Thanh	13/10/92	TC CTCK 10A	3.4	F5,13	07:30
763	Tiêu Nhật	Thanh	14/10/91	TC CTCK 10A	3.1	F5,13	07:30
764	Nguyễn Ngọc	Toàn	25/11/92	TC CTCK 10A	1.6	F5,13	07:30
765	Nguyễn	Vinh	16/11/91	TC CTCK 10A	5.1	F5,13	07:30
766	Nguyễn Văn	Chul	14/05/90	TC CTCK 10B	6.8	F5,13	07:30
767	Nguyễn Văn	Duy	26/06/92	TC CTCK 10B	3.9	F5,13	07:30
768	Nguyễn Văn	Hải	16/07/92	TC CTCK 10B	5.7	F5,13	07:30
769	Nguyễn Thanh	Hòa	10/02/92	TC CTCK 10B	5.6	F5,13	07:30
770	Trần Văn	Hưng	16/06/90	TC CTCK 10B	5.1	F5,13	07:30
771	Nguyễn Nam	Kha	07/05/92	TC CTCK 10B	0.0	F5,13	07:30
772	Nguyễn Văn	Lý	30/08/92	TC CTCK 10B	6.8	F5,13	07:30
773	Châu Văn	Mười	12/11/92	TC CTCK 10B	5.0	F5,13	07:30
774	Lê Tứ	Phương	16/07/92	TC CTCK 10B	8.8	F5,13	07:30
775	Võ Quốc	Qui	22/01/90	TC CTCK 10B	5.6	F5,13	07:30
776	Hồ Hoàng	Tặng	29/08/91	TC CTCK 10B	5.1	F5,13	07:30
777	Nguyễn Văn	Thành	01/10/92	TC CTCK 10B	0.0	F5,13	07:30
778	Ngô Đức	Thiện	21/05/92	TC CTCK 10B	7.5	F5,13	07:30
779	Nguyễn Trường	An	01/11/91	TC CTCK 10C	5.9	F5,13	07:30
780	Nguyễn Thành	Ân	12/05/92	TC CTCK 10C	6.2	F5,13	07:30
781	Vũ Thành	Công	01/01/92	TC CTCK 10C	3.0	F5,13	07:30
782	Võ Quốc	Cường	05/07/92	TC CTCK 10C	5.1	F5,13	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

18 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
783	Nguyễn Văn	Đồng	19/01/92	TC CTCK 10C	2.9	F5,13	07:30
784	Lê Văn	Dũng	17/09/90	TC CTCK 10C	3.6	F5,14	07:30
785	Nguyễn Hoàng	Duy	07/07/92	TC CTCK 10C	4.0	F5,14	07:30
786	Mai Minh	Kha	/ /91	TC CTCK 10C	7.7	F5,14	07:30
787	Phạm Trọng	Nhân	28/05/92	TC CTCK 10C	2.9	F5,14	07:30
788	Phạm Thành	Phong	17/10/92	TC CTCK 10C	3.6	F5,14	07:30
789	Phan Văn	Quý	07/11/91	TC CTCK 10C	3.9	F5,14	07:30
790	Nguyễn Minh	Còn	06/07/90	TC CTCK 11A	3.8	F5,14	07:30
791	Phạm Thành	Công	13/07/90	TC CTCK 11A	1.8	F5,14	07:30
792	Đỗ Mạnh	Cường	08/11/92	TC CTCK 11A	3.0	F5,14	07:30
793	Văn Phú	Cường	10/09/93	TC CTCK 11A	2.5	F5,14	07:30
794	Võ Tiến	Dũng	28/08/92	TC CTCK 11A	6.6	F5,14	07:30
795	Trần Kim	Hải	05/01/93	TC CTCK 11A	2.9	F5,14	07:30
796	Trần Văn	Hậu	07/10/92	TC CTCK 11A	5.5	F5,14	07:30
797	Nguyễn Trung	Hiếu	11/10/92	TC CTCK 11A	5.3	F5,14	07:30
798	Phạm Văn	Hiếu	02/12/92	TC CTCK 11A	6.9	F5,14	07:30
799	Nguyễn Thành	Khiển	16/04/91	TC CTCK 11A	2.2	F5,14	07:30
800	Phương Văn	Lực	14/07/92	TC CTCK 11A	3.4	F5,14	07:30
801	Nguyễn Thắng	Mỹ	10/12/91	TC CTCK 11A	0.6	F5,14	07:30
802	Phan Trọng	Nghĩa	03/11/93	TC CTCK 11A	3.7	F5,14	07:30
803	Phan Thanh	Phú	25/03/93	TC CTCK 11A	2.4	F5,14	07:30
804	Trần Văn	Quang	11/08/93	TC CTCK 11A	2.9	F5,14	07:30
805	Nguyễn Xuân	Thông	08/03/92	TC CTCK 11A	2.0	F5,14	07:30
806	Dương Quang	Thuận	26/08/93	TC CTCK 11A	2.1	F5,14	07:30
807	Nguyễn Bảo Thái	Tiên	11/01/92	TC CTCK 11A	2.5	F5,14	07:30
808	Phan Thanh	Trung	03/05/91	TC CTCK 11A	2.8	F5,14	07:30
809	Võ Hoàng	Tuấn	01/11/93	TC CTCK 11A	3.2	F5,14	07:30
810	Bùi Tuấn	Vũ	10/01/93	TC CTCK 11A	1.6	F5,14	07:30
811	Lê Tuấn	Anh	13/04/93	TC CTCK 11B	3.8	F5,14	07:30
812	Lê Hoàng	Giang	22/04/92	TC CTCK 11B	5.0	F5,14	07:30
813	Trần Thái Đăng	Khoa	07/08/93	TC CTCK 11B	6.2	F5,14	07:30
814	Hoàng Hữu	Phúc	10/02/93	TC CTCK 11B	2.2	F5,14	07:30
815	Phan Đức	Thành	01/03/93	TC CTCK 11B	2.0	F5,14	07:30
816	Huỳnh Thanh	An	20/02/93	TC CTCK 11C	1.4	F5,14	07:30
817	Nguyễn Bảo	An	17/07/92	TC CTCK 11C	3.4	F5,14	07:30
818	Phạm Văn	Bằng	22/02/93	TC CTCK 11C	1.2	F5,14	07:30
819	Đặng Quốc	Bảo	15/01/92	TC CTCK 11C	2.9	F5,14	07:30
820	Nguyễn Văn	Đức	06/10/90	TC CTCK 11C	5.0	F5,14	07:30
821	Bùi Công	Hoàng	19/11/93	TC CTCK 11C	5.0	F5,14	07:30
822	Nguyễn Duy	Khánh	02/05/92	TC CTCK 11C	1.6	F5,14	07:30
823	Ngô Văn	Lộc	11/12/93	TC CTCK 11C	5.0	F5,14	07:30
824	Vũ Xuân	Niên	08/10/92	TC CTCK 11C	3.6	F5,14	07:30
825	Hà Sơn	Phi	19/10/92	TC CTCK 11C	2.9	F5,14	07:30
826	Nguyễn Đình	Phi	20/08/93	TC CTCK 11C	2.0	F6,11	07:30
827	Bùi Thanh	Phong	16/04/93	TC CTCK 11C	2.7	F6,11	07:30
828	Phạm Hồng	Quân	05/06/91	TC CTCK 11C	2.8	F6,11	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

19 - A1

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
829	Lê Văn Sang	09/09/92	TC CTCK 11C	1.6	F6,11	07:30
830	Nguyễn Đức Thanh Sơn	29/12/93	TC CTCK 11C	3.1	F6,11	07:30
831	Nguyễn Duy Tân	10/11/93	TC CTCK 11C	1.6	F6,11	07:30
832	Trần Duy Tân	20/10/93	TC CTCK 11C	3.6	F6,11	07:30
833	Phạm Quốc Tấn	28/11/93	TC CTCK 11C	3.3	F6,11	07:30
834	Trương Vị Thanh	01/01/92	TC CTCK 11C	2.9	F6,11	07:30
835	Trịnh Nguyễn Hùng Thi	17/01/93	TC CTCK 11C	2.7	F6,11	07:30
836	Phan Đức Thơi	01/03/93	TC CTCK 11C	3.5	F6,11	07:30
837	Lê Anh Tuấn	24/09/92	TC CTCK 11C	3.2	F6,11	07:30
838	Đình Tuấn Văn	22/11/91	TC CTCK 11C	3.6	F6,11	07:30
839	Đặng Quốc Ý	15/06/85	TC CTCK 11C	1.7	F6,11	07:30
840	Mai Phúc Nguyên	14/11/90	TC DCN 08D	1.4	F6,11	07:30
841	Đặng Duy Quang	07/11/90	TC DCN 09A	6.9	F6,11	07:30
842	Phạm Văn Vương	09/04/90	TC DCN 09A	3.6	F6,11	07:30
843	Nguyễn Văn Cường	15/07/89	TC DCN 09D	2.2	F6,11	07:30
844	Phan Huỳnh Chấm	08/12/92	TC DCN 10A	3.8	F6,11	07:30
845	Đặng Văn Đô	20/10/90	TC DCN 10A	3.4	F6,11	07:30
846	Phạm Hữu Hiệp	16/02/92	TC DCN 10A	5.6	F6,11	07:30
847	Lê Văn Minh	28/02/92	TC DCN 10A	3.0	F6,11	07:30
848	Trần Văn Nhựt	05/11/91	TC DCN 10A	3.7	F6,11	07:30
849	Nguyễn Minh Tâm	20/04/90	TC DCN 10A	2.0	F6,11	07:30
850	Hồ Văn Tân	20/06/92	TC DCN 10A	5.0	F6,11	07:30
851	Lê Văn Thái	03/06/91	TC DCN 10A	5.0	F6,11	07:30
852	Nguyễn Huỳnh Quốc Thắng	21/10/92	TC DCN 10A	6.5	F6,11	07:30
853	Trần Quang Thắng	07/12/92	TC DCN 10A	5.0	F6,11	07:30
854	Hồ Hữu Thành	19/05/91	TC DCN 10A	2.7	F6,11	07:30
855	Nguyễn Hữu Thành	19/11/92	TC DCN 10A	3.0	F6,11	07:30
856	Trần Đỗ Minh Thiện	06/02/92	TC DCN 10A	4.2	F6,11	07:30
857	Vũ Quang Minh Trụ	23/10/90	TC DCN 10A	6.2	F6,11	07:30
858	Lý Thanh Tùng	02/11/91	TC DCN 10A	5.0	F6,11	07:30
859	Nguyễn Văn Anh	16/01/86	TC DCN 10B	8.6	F6,11	07:30
860	Đình Thành Công	13/07/91	TC DCN 10B	2.7	F6,11	07:30
861	Trần Hùng Cường	03/07/90	TC DCN 10B	5.3	F6,11	07:30
862	Nguyễn Văn Duy	28/01/91	TC DCN 10B	2.9	F6,11	07:30
863	Nguyễn Minh Hiệp	01/11/92	TC DCN 10B	2.8	F6,11	07:30
864	Phan Lâu	20/10/88	TC DCN 10B	7.1	F6,11	07:30
865	Nguyễn Thanh Phong	02/01/92	TC DCN 10B	2.6	F6,11	07:30
866	Trần Hồng Thạch	31/10/92	TC DCN 10B	2.3	F6,12	07:30
867	Nguyễn Hữu Thắng	02/10/90	TC DCN 10B	6.2	F6,12	07:30
868	Nguyễn Hữu Thế	02/09/91	TC DCN 10B	2.9	F6,12	07:30
869	Vũ Văn Thông	10/06/91	TC DCN 10B	2.2	F6,12	07:30
870	Phạm Thanh Toán	15/08/88	TC DCN 10B	3.6	F6,12	07:30
871	Cao Tiến Trung	30/09/88	TC DCN 10B	2.6	F6,12	07:30
872	Đặng Thanh Tú	23/11/92	TC DCN 10B	5.1	F6,12	07:30
873	Nguyễn Hoàng Việt	17/01/92	TC DCN 10B	2.9	F6,12	07:30
874	Lê Hoàng An	09/08/92	TC DCN 10C	4.1	F6,12	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

20 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
875	Hoàng Văn	Hậu	03/08/92	TC DCN 10C	5.0	F6,12	07:30
876	Nguyễn Minh	Hòa	25/03/91	TC DCN 10C	2.5	F6,12	07:30
877	Nguyễn Văn	Hoàn	02/03/91	TC DCN 10C	6.9	F6,12	07:30
878	Nguyễn Thành	Hưng	06/06/91	TC DCN 10C	5.0	F6,12	07:30
879	Hồ Phú	Hữu	11/11/92	TC DCN 10C	3.5	F6,12	07:30
880	Ngô Văn	Long	26/09/91	TC DCN 10C	1.3	F6,12	07:30
881	Phạm Văn	Nam	10/07/92	TC DCN 10C	5.0	F6,12	07:30
882	Nguyễn Khắc Duy	Phương	12/05/91	TC DCN 10C	5.0	F6,12	07:30
883	Lê Thanh	Soan	28/10/92	TC DCN 10C	1.0	F6,12	07:30
884	Nguyễn Bá	Tài	08/10/92	TC DCN 10C	5.2	F6,12	07:30
885	Nguyễn Trọng	Tân	24/07/92	TC DCN 10C	5.9	F6,12	07:30
886	Nguyễn Đại	Tín	06/04/91	TC DCN 10C	5.3	F6,12	07:30
887	Võ Thanh	Truyền	10/05/90	TC DCN 10C	4.2	F6,12	07:30
888	Nguyễn Quốc	Vương	04/02/92	TC DCN 10C	5.0	F6,12	07:30
889	Nguyễn Minh	Đức	03/07/91	TC DCN 10D	2.4	F6,12	07:30
890	Đặng Văn	Lộc	01/08/92	TC DCN 10D	3.1	F6,12	07:30
891	Nguyễn Văn	Lý	26/05/90	TC DCN 10D	5.0	F6,12	07:30
892	Lương Minh	Phụng	22/05/92	TC DCN 10D	6.4	F6,12	07:30
893	Nguyễn Quốc	Phương	02/02/92	TC DCN 10D	5.0	F6,12	07:30
894	Ngô Hoàng	Trị	15/05/90	TC DCN 10D	3.0	F6,12	07:30
895	Trần Việt	Tùng	03/09/91	TC DCN 10D	5.0	F6,12	07:30
896	Lê Huỳnh Đức	Anh	01/07/93	TC DCN 11B	2.8	F6,12	07:30
897	Nguyễn Ngọc	Anh	06/07/93	TC DCN 11B	2.2	F6,12	07:30
898	Viên Ngọc	Bửu	19/02/93	TC DCN 11B	3.0	F6,12	07:30
899	Trương Văn	Chung	25/04/93	TC DCN 11B	2.6	F6,12	07:30
900	Bùi Quốc	Dũng	16/10/92	TC DCN 11B	2.3	F6,12	07:30
901	Lê Anh	Hùng	04/08/86	TC DCN 11B	1.8	F6,12	07:30
902	Trần Ngọc	Hưởng	17/07/92	TC DCN 11B	2.2	F6,12	07:30
903	Nguyễn Hoàng	Kha	10/06/93	TC DCN 11B	2.0	F6,12	07:30
904	Trần Hoàng	Nam	31/07/93	TC DCN 11B	1.2	F6,12	07:30
905	Nguyễn Huỳnh	Ngân	17/03/93	TC DCN 11B	1.4	F6,13	07:30
906	Huỳnh Thanh	Nhã	26/08/92	TC DCN 11B	2.6	F6,13	07:30
907	Nguyễn Duy	Nhất	13/06/92	TC DCN 11B	4.0	F6,13	07:30
908	Lê Công	Nhật	16/07/93	TC DCN 11B	1.9	F6,13	07:30
909	Đặng Thanh	Phong	18/11/93	TC DCN 11B	5.0	F6,13	07:30
910	Huỳnh Minh	Phúc	21/09/90	TC DCN 11B	2.0	F6,13	07:30
911	Khổng Hoàng	Quân	16/10/92	TC DCN 11B	2.4	F6,13	07:30
912	Nguyễn Như	Quyền	15/07/93	TC DCN 11B	3.1	F6,13	07:30
913	Tổng Văn	Tài	05/05/91	TC DCN 11B	3.0	F6,13	07:30
914	Phạm Đỗ Duy	Tân	10/05/93	TC DCN 11B	3.2	F6,13	07:30
915	Huỳnh Minh	Thiện	15/02/86	TC DCN 11B	2.0	F6,13	07:30
916	Đặng Nguyễn	Trãi	20/04/93	TC DCN 11B	2.4	F6,13	07:30
917	Mai Văn	Trí	15/02/91	TC DCN 11B	2.9	F6,13	07:30
918	Nguyễn Thanh	Tuấn	17/09/93	TC DCN 11B	4.1	F6,13	07:30
919	Bùi Như	Ý	08/03/93	TC DCN 11B	3.7	F6,13	07:30
920	Lương Xi	Khìng	04/08/91	TC DCN 11C	1.8	F6,13	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

21 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
921	Đỗ Văn	Nhàn	12/02/93	TC DCN 11C	4.0	F6,13	07:30
922	Nguyễn Trường	An	03/08/93	TC DCN 11D	3.5	F6,13	07:30
923	Nguyễn Thanh	Bình	19/12/92	TC DCN 11D	2.3	F6,13	07:30
924	Nguyễn Trọng	Đạt	14/07/93	TC DCN 11D	2.3	F6,13	07:30
925	Hồ Minh	Đức	04/04/92	TC DCN 11D	3.4	F6,13	07:30
926	Nguyễn Trung	Dũng	18/08/93	TC DCN 11D	2.1	F6,13	07:30
927	Nguyễn Duy	Hạnh	08/11/91	TC DCN 11D	2.9	F6,13	07:30
928	Trần Ngọc	Huy	22/09/93	TC DCN 11D	3.2	F6,13	07:30
929	Lý Hánh	Lồng	01/07/93	TC DCN 11D	3.4	F6,13	07:30
930	Đỗ Minh	Luận	01/01/92	TC DCN 11D	2.2	F6,13	07:30
931	Trần Nguyễn Hữu Trí	Phước	02/01/91	TC DCN 11D	3.5	F6,13	07:30
932	Bùi Công	Quý	02/02/93	TC DCN 11D	2.5	F6,13	07:30
933	Lưu Phú	Quý	23/07/92	TC DCN 11D	2.6	F6,13	07:30
934	Nguyễn Trần	Song	16/08/93	TC DCN 11D	3.0	F6,13	07:30
935	Nguyễn Ngọc	Thường	11/06/93	TC DCN 11D	3.8	F6,13	07:30
936	Bùi Thanh	Tính	11/03/92	TC DCN 11D	2.9	F6,13	07:30
937	Huỳnh Quốc	Tính	29/06/92	TC DCN 11D	3.6	F6,13	07:30
938	Võ Anh	Tùng	10/03/93	TC DCN 11D	2.0	F6,13	07:30
939	Lê Quốc	Vũ	18/06/90	TC DCN 11D	3.4	F6,14	07:30
940	Trần Song	Toàn	06/03/86	TC DL 09A	1.5	F6,14	07:30
941	Lê Hữu	Uyển	19/04/89	TC DL 09A	3.6	F6,14	07:30
942	Văn Bảo	Toàn	27/01/89	TC DL 09B	5.3	F6,14	07:30
943	Nguyễn Nhật	Trung	15/12/86	TC DL 09B	6.1	F6,14	07:30
944	Đặng Vũ	Bằng	20/11/92	TC DL 10A	3.6	F6,14	07:30
945	Huỳnh Lê Gia	Bảo	26/07/92	TC DL 10A	5.2	F6,14	07:30
946	Nguyễn Đăng	Bảo	04/02/92	TC DL 10A	2.8	F6,14	07:30
947	Lê Ngọc	Định	10/07/90	TC DL 10A	vp	F6,14	07:30
948	Phạm Chí	Hiếu	30/03/91	TC DL 10A	4.0	F6,14	07:30
949	Lê Như	Hùng	02/03/92	TC DL 10A	1.8	F6,14	07:30
950	Đoàn Văn	Lượng	01/01/90	TC DL 10A	4.5	F6,14	07:30
951	Trần Ngọc	Phong	04/06/91	TC DL 10A	5.9	F6,14	07:30
952	Lê Nguyễn Hồng	Sơn	16/03/90	TC DL 10A	2.6	F6,14	07:30
953	Trần Minh	Cảnh	25/02/92	TC DL 10B	4.1	F6,14	07:30
954	Đặng Văn	Dũng	04/04/92	TC DL 10B	2.1	F6,14	07:30
955	Trần Văn	Em	01/07/89	TC DL 10B	6.1	F6,14	07:30
956	Hoàng Minh	Hận	20/02/91	TC DL 10B	7.6	F6,14	07:30
957	Tiêu Văn	Hiệp	18/08/83	TC DL 10B	8.1	F6,14	07:30
958	Dương Ngọc	Hùng	10/04/90	TC DL 10B	5.0	F6,14	07:30
959	Lê Thành	Nhân	15/03/92	TC DL 10B	5.0	F6,14	07:30
960	Nguyễn Hoàng	Phương	26/01/92	TC DL 10B	6.2	F6,14	07:30
961	Hà Huy	Sinh	16/07/92	TC DL 10B	5.0	F6,14	07:30
962	Trần Mạnh	Thiệp	26/10/89	TC DL 10B	7.2	F6,14	07:30
963	Nguyễn Hữu	Thông	14/12/92	TC DL 10B	3.9	F6,14	07:30
964	Đình Công	Tuấn	20/10/92	TC DL 10B	3.8	F6,14	07:30
965	Nguyễn Minh	Tuấn	15/06/92	TC DL 10B	5.0	F6,14	07:30
966	Nguyễn Anh	Việt	15/08/92	TC DL 10B	4.0	F6,14	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

22 - A1

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
967	Võ Tá	Ánh	12/11/91	TC DL 11B	1.9	F6,14 07:30
968	Phạm Hoài	Bảo	01/01/93	TC DL 11B	5.0	F6,14 07:30
969	Lê Văn	Bảy	01/01/93	TC DL 11B	2.6	F6,14 07:30
970	Võ Tấn	Công	06/10/91	TC DL 11B	3.7	F6,14 07:30
971	Phạm Minh	Cường	07/07/92	TC DL 11B	3.3	F6,14 07:30
972	Nguyễn	Dũng	13/02/92	TC DL 11B	3.8	F6,14 07:30
973	Nguyễn Thanh	Hải	06/01/93	TC DL 11B	3.7	F6,14 07:30
974	Huỳnh Nhật	Khiêm	30/05/93	TC DL 11B	3.3	F6,16 07:30
975	Hồ Tấn	Khoa	10/01/93	TC DL 11B	1.7	F6,16 07:30
976	Đoàn Hữu	Lộc	20/09/92	TC DL 11B	2.8	F6,16 07:30
977	Đỗ Đại	Nghiệp	06/03/93	TC DL 11B	4.3	F6,16 07:30
978	Hồ Văn	Ngoan	01/01/93	TC DL 11B	3.5	F6,16 07:30
979	Lê Thanh	Sơn	30/08/93	TC DL 11B	3.1	F6,16 07:30
980	Nguyễn Thiện	Tài	16/04/93	TC DL 11B	2.2	F6,16 07:30
981	Đàm Lâm	Thành	29/11/93	TC DL 11B	2.6	F6,16 07:30
982	Đào Văn	Thạo	03/09/87	TC DL 11B	2.7	F6,16 07:30
983	Nguyễn Văn	Tốn	09/09/93	TC DL 11B	2.0	F6,16 07:30
984	Hoàng Thế	Uy	02/04/93	TC DL 11B	2.4	F6,16 07:30
985	Nguyễn Minh	Tuấn	16/06/90	TC DT 08C	3.1	F6,16 07:30
986	Trần Xuân	Lộc	07/01/90	TC DT 08D	4.3	F6,16 07:30
987	Thái Bình	Dương	21/10/89	TC DT 09A	6.5	F6,16 07:30
988	Lương Kim	Khoa	16/06/90	TC DT 09A	5.1	F6,16 07:30
989	Nguyễn Duy Đức	Lin	06/10/91	TC DT 09A	4.4	F6,16 07:30
990	Phạm Thành	Thái	06/04/91	TC DT 09B	5.0	F6,16 07:30
991	Trần	Hải	20/08/91	TC DT 09C	5.0	F6,16 07:30
992	Võ Thái	An	24/01/92	TC DT 10A	3.3	F6,16 07:30
993	Nguyễn Thế	Công	10/11/91	TC DT 10A	5.0	F6,16 07:30
994	Trần Hải	Đăng	23/10/91	TC DT 10A	5.1	F6,16 07:30
995	Từ Trọng	Du	23/05/92	TC DT 10A	3.1	F6,16 07:30
996	Vũ Văn	Hoà	07/10/91	TC DT 10A	2.9	F6,16 07:30
997	Nguyễn Thanh	Hồng	06/03/91	TC DT 10A	4.3	F6,16 07:30
998	Nguyễn Thanh	Huy	04/09/92	TC DT 10A	3.4	F6,16 07:30
999	Đông Tuấn	Kiệt	07/02/91	TC DT 10A	3.9	F6,16 07:30
1000	Nguyễn Duy	Quốc	05/06/91	TC DT 10A	3.9	F6,16 07:30
1001	Bùi Văn	Thành	11/08/92	TC DT 10A	8.3	F6,16 07:30
1002	Lê Phúc	Thọ	14/12/91	TC DT 10A	7.0	F6,16 07:30
1003	Đàm Minh	Toàn	01/01/90	TC DT 10A	3.6	F6,16 07:30
1004	Bùi Minh	Tú	03/04/92	TC DT 10A	5.0	F6,16 07:30
1005	Lê Hùng	Vĩ	04/12/90	TC DT 10A	3.4	F6,16 07:30
1006	Phạm Thế	Vinh	05/09/85	TC DT 10A	3.7	F6,16 07:30
1007	Trần Hoàng	Anh	08/01/91	TC DT 11B	7.7	F6,16 07:30
1008	Nguyễn Gia	Bảo	15/05/93	TC DT 11B	3.4	F6,16 07:30
1009	Diệp Thiện	Cường	20/10/93	TC DT 11B	2.0	F6,16 07:30
1010	Nguyễn Văn	Giang	16/04/91	TC DT 11B	3.6	F7,11 07:30
1011	Đoàn Quang	Lợi	29/06/93	TC DT 11B	6.3	F7,11 07:30
1012	Lê Quang	Phong	30/11/85	TC DT 11B	2.1	F7,11 07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1 Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

23 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
1013	Lê Văn	Thái	12/05/93	TC DT 11B	2.1	F7,11	07:30
1014	Nguyễn Như	Thông	09/12/93	TC DT 11B	2.7	F7,11	07:30
1015	Nguyễn Thanh	Toàn	03/06/93	TC DT 11B	5.7	F7,11	07:30
1016	Võ Quốc	Trạng	26/01/92	TC DT 11B	2.3	F7,11	07:30
1017	Võ Anh	Việt	20/06/93	TC DT 11B	2.1	F7,11	07:30
1018	Võ Minh	Vương	25/04/93	TC DT 11B	3.8	F7,11	07:30
1019	Ngô Tùng	Châu	13/03/90	TC OTO 08B	3.2	F7,11	07:30
1020	Trần Trung	Thành	20/11/90	TC OTO 08B	3.0	F7,11	07:30
1021	Tăng Thế	Vinh	29/09/90	TC OTO 08D	vp	F7,11	07:30
1022	Đặng Văn	Đại	29/05/91	TC OTO 09A	5.9	F7,11	07:30
1023	Nguyễn Chí	Hoang	/ /90	TC OTO 09A	3.2	F7,11	07:30
1024	Nguyễn Anh	Khoa	09/07/90	TC OTO 09A	6.4	F7,11	07:30
1025	Võ Chí	Công	17/12/90	TC OTO 09B	5.0	F7,11	07:30
1026	Nguyễn Đình	Thắng	18/09/89	TC OTO 09B	6.7	F7,11	07:30
1027	Nguyễn Linh	Tuấn	03/06/89	TC OTO 09B	2.9	F7,11	07:30
1028	Nguyễn Hữu	Phúc	01/01/91	TC OTO 09C	3.6	F7,11	07:30
1029	Nguyễn Đức	Thắng	24/02/90	TC OTO 09C	2.1	F7,11	07:30
1030	Phạm Mạnh	Hùng	14/05/90	TC OTO 09D	3.7	F7,11	07:30
1031	Nguyễn Huy	Tâm	23/01/90	TC OTO 09E	7.7	F7,11	07:30
1032	Hoàng Công	Danh	13/04/92	TC OTO 10A	2.3	F7,11	07:30
1033	Nguyễn Công	Danh	07/10/91	TC OTO 10A	3.3	F7,11	07:30
1034	Huỳnh Tấn	Dũng	03/05/92	TC OTO 10A	2.5	F7,11	07:30
1035	Tiền Thanh	Ký	09/10/91	TC OTO 10A	2.6	F7,11	07:30
1036	Nguyễn Ngọc	Nam	02/02/91	TC OTO 10A	7.6	F7,11	07:30
1037	Lý Văn	Ngữ	18/08/91	TC OTO 10A	3.5	F7,11	07:30
1038	Hồ Minh	Quân	10/09/92	TC OTO 10A	3.9	F7,11	07:30
1039	Nguyễn Trọng	Quân	10/06/90	TC OTO 10A	2.2	F7,11	07:30
1040	Đỗ Duy	Tân	19/02/92	TC OTO 10A	5.0	F7,11	07:30
1041	Nguyễn Mạnh	Thắng	02/09/91	TC OTO 10A	5.2	F7,11	07:30
1042	Nguyễn Đình	Tiền	02/12/90	TC OTO 10A	3.6	F7,12	07:30
1043	Châu Tảo Quốc	Toàn	28/10/92	TC OTO 10A	2.1	F7,12	07:30
1044	Vũ Đình	Bách	20/08/90	TC OTO 10B	6.3	F7,12	07:30
1045	Huỳnh Kim	Chương	02/01/92	TC OTO 10B	2.1	F7,12	07:30
1046	Cao Văn	Đông	10/08/92	TC OTO 10B	2.1	F7,12	07:30
1047	Thạch Giang	Đông	13/05/91	TC OTO 10B	2.7	F7,12	07:30
1048	Phan Văn Tiến	Dũng	17/03/92	TC OTO 10B	5.7	F7,12	07:30
1049	Trương Minh	Hiển	20/11/92	TC OTO 10B	2.3	F7,12	07:30
1050	Lê Nhật	Huy	08/04/91	TC OTO 10B	6.4	F7,12	07:30
1051	Nguyễn Hữu	Khoa	02/08/92	TC OTO 10B	5.1	F7,12	07:30
1052	Nguyễn Quang	Kính	11/01/90	TC OTO 10B	3.0	F7,12	07:30
1053	Hồ Hoàng	Lâm	25/09/90	TC OTO 10B	6.2	F7,12	07:30
1054	Trương Vĩnh	Lương	05/08/90	TC OTO 10B	2.6	F7,12	07:30
1055	Lê Văn	Manh	12/04/92	TC OTO 10B	3.3	F7,12	07:30
1056	Trần Đình	Nam	24/09/92	TC OTO 10B	4.0	F7,12	07:30
1057	Trần Trọng	Nghĩa	04/11/92	TC OTO 10B	5.0	F7,12	07:30
1058	Châu Ngọc	Ninh	20/10/91	TC OTO 10B	4.5	F7,12	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

24 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
1059	Ngô Minh	Phát	27/10/91	TC OTO 10B	5.1	F7,12	07:30
1060	Huỳnh Văn	Phúc	07/10/92	TC OTO 10B	6.3	F7,12	07:30
1061	Lê Duy	Quang	25/04/91	TC OTO 10B	3.1	F7,12	07:30
1062	Nguyễn Văn	Tâm	12/02/92	TC OTO 10B	2.4	F7,12	07:30
1063	Đỗ Văn	Thắng	23/09/92	TC OTO 10B	3.0	F7,12	07:30
1064	Nguyễn Đình	Thảo	05/04/92	TC OTO 10B	0.0	F7,12	07:30
1065	Nguyễn Quốc	Thiện	11/10/92	TC OTO 10B	4.1	F7,12	07:30
1066	Vương Minh	Thơ	25/05/92	TC OTO 10B	2.1	F7,12	07:30
1067	Nguyễn Hữu	Thọ	03/03/92	TC OTO 10B	6.0	F7,12	07:30
1068	Lê Minh	Triết	17/08/91	TC OTO 10B	2.5	F7,12	07:30
1069	Trần Hoàng	Trọng	24/08/92	TC OTO 10B	3.3	F7,12	07:30
1070	Nguyễn Mậu	Tuấn	02/08/92	TC OTO 10B	5.0	F7,12	07:30
1071	Nguyễn Minh	Tuấn	30/05/92	TC OTO 10B	5.5	F7,12	07:30
1072	Kiều Đăng	Văn	05/09/90	TC OTO 10B	5.6	F7,12	07:30
1073	Trần Anh	Vũ	10/10/92	TC OTO 10B	5.7	F7,12	07:30
1074	Võ Công	An	17/07/92	TC OTO 10C	3.3	F7,12	07:30
1075	Phạm Lê Như	Bách	31/03/92	TC OTO 10C	2.6	F7,12	07:30
1076	Lê Hoàng Minh	Chiến	26/07/92	TC OTO 10C	3.1	F7,12	07:30
1077	Dương Sơn	Cư	12/10/92	TC OTO 10C	2.3	F7,12	07:30
1078	Đỗ Duy	Hùng	28/06/92	TC OTO 10C	3.0	F7,12	07:30
1079	Nguyễn Văn	Kết	20/08/91	TC OTO 10C	3.0	F7,12	07:30
1080	Nguyễn Vĩnh	Phương	30/06/92	TC OTO 10C	3.4	F7,12	07:30
1081	Nguyễn Duy	Tâm	21/01/89	TC OTO 10C	6.3	F7,12	07:30
1082	Ngô Xuân	Thái	29/08/90	TC OTO 10C	5.0	F7,12	07:30
1083	Đặng Bá	Thắng	02/10/90	TC OTO 10C	3.7	F7,12	07:30
1084	Trương Công	Thành	04/12/92	TC OTO 10C	3.1	F7,12	07:30
1085	Trần Trung	Tiến	22/02/90	TC OTO 10C	2.9	F7,12	07:30
1086	Nguyễn Văn	Trí	03/09/92	TC OTO 10C	5.4	F7,12	07:30
1087	Nguyễn Quốc	Tú	22/08/91	TC OTO 10C	2.8	F7,12	07:30
1088	Lê Văn	Út	12/10/92	TC OTO 10C	5.4	F7,13	07:30
1089	Phạm Tuấn	Tài	23/05/90	TC OTO 10D	3.6	F7,13	07:30
1090	Huỳnh Chí	Tâm	06/04/92	TC OTO 10D	8.8	F7,13	07:30
1091	Huỳnh Thiện	Tín	20/04/90	TC OTO 10D	7.3	F7,13	07:30
1092	Nguyễn Vĩnh	Cường	20/10/92	TC OTO 10E	5.0	F7,13	07:30
1093	Nguyễn Thông	Đam	29/07/91	TC OTO 10E	5.8	F7,13	07:30
1094	Nguyễn Quốc	Dũng	16/08/92	TC OTO 10E	3.0	F7,13	07:30
1095	Phan Hoàng	Duy	06/02/92	TC OTO 10E	5.8	F7,13	07:30
1096	Cao Khắc	Khánh	06/08/90	TC OTO 10E	1.8	F7,13	07:30
1097	Nguyễn Khắc	Kim	31/10/87	TC OTO 10E	3.0	F7,13	07:30
1098	Củ Xay	Lồng	05/02/92	TC OTO 10E	3.0	F7,13	07:30
1099	Nguyễn Đức Trọng	Nghĩa	17/07/92	TC OTO 10E	3.1	F7,13	07:30
1100	Lê Thành	Nhân	15/12/91	TC OTO 10E	2.9	F7,13	07:30
1101	Trần Trọng	Nhân	21/08/92	TC OTO 10E	4.3	F7,13	07:30
1102	Nguyễn Thanh	Nhựt	10/10/91	TC OTO 10E	4.4	F7,13	07:30
1103	Nguyễn Xuân	Phong	13/09/92	TC OTO 10E	5.0	F7,13	07:30
1104	Hà Đình	Sơn	09/03/91	TC OTO 10E	5.2	F7,13	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

25 - A1

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
1105	Nguyễn Ngọc	Toán	05/07/92	TC OTO 10E	7.1	F7,13	07:30
1106	Kiều Xuân	Tú	14/04/90	TC OTO 10E	5.0	F7,13	07:30
1107	Nguyễn Thanh	Tuấn	17/08/92	TC OTO 10E	5.0	F7,13	07:30
1108	Trần Văn	Tường	19/04/90	TC OTO 10E	5.8	F7,13	07:30
1109	Nguyễn Văn	Long	08/07/93	TC OTO 11A	3.5	F7,13	07:30
1110	Lê Văn Trắc	Nghiêm	15/12/92	TC OTO 11A	1.5	F7,13	07:30
1111	Lê Ngọc	Phát	20/09/92	TC OTO 11A	2.5	F7,13	07:30
1112	Phan Duy	Phong	01/07/93	TC OTO 11A	3.0	F7,13	07:30
1113	Phan Chí	Thanh	02/01/92	TC OTO 11A	3.4	F7,13	07:30
1114	Nguyễn Phan	Dũ	21/01/93	TC OTO 11B	2.5	F7,13	07:30
1115	Đoàn Chí	Hiếu	21/6/93	TC OTO 11B	3.0	F7,13	07:30
1116	Huỳnh Phúc	Hậu	10/11/93	TC OTO 11C	3.4	F7,13	07:30
1117	Nguyễn Hoàng	Linh	21/09/90	TC OTO 11C	2.5	F7,13	07:30
1118	Lê Công	Bằng	19/09/91	TC SCCK 09	5.0	F7,13	07:30
1119	Nguyễn Văn	Nam	06/11/92	TC SCCK 10	4.4	F7,13	07:30
1120	Huỳnh Văn	Quảng	30/06/92	TC SCCK 10	2.4	F7,13	07:30
1121	Mạc Vũ	Quyền	02/05/91	TC SCCK 10	4.4	F7,13	07:30
1122	Tô Minh	Tâm	06/01/91	TC SCCK 10	7.8	F7,14	07:30
1123	Huỳnh Công	Tứ	01/01/91	TC SCCK 10	6.8	F7,14	07:30
1124	Nguyễn Thanh	Tùng	03/07/91	TC SCCK 10	7.0	F7,14	07:30
1125	Nguyễn Ngọc Thái	Bình	27/04/93	TC SCCK 11	1.9	F7,14	07:30
1126	Trần Bá	Bình	20/07/92	TC SCCK 11	2.3	F7,14	07:30
1127	Trần Trường	Giang	15/06/89	TC SCCK 11	3.4	F7,14	07:30
1128	Nguyễn Văn	Hải	14/03/93	TC SCCK 11	1.8	F7,14	07:30
1129	Nguyễn Văn	Hải	08/03/93	TC SCCK 11	4.5	F7,14	07:30
1130	Nguyễn Trung	Hiếu	27/02/93	TC SCCK 11	4.3	F7,14	07:30
1131	Hà Sơn	Kha	08/08/93	TC SCCK 11	3.7	F7,14	07:30
1132	Trần Quang	Ngân	06/02/93	TC SCCK 11	5.0	F7,14	07:30
1133	Trần Bảo	Ngọc	27/05/93	TC SCCK 11	2.5	F7,14	07:30
1134	Nguyễn Vĩnh	Phú	08/10/92	TC SCCK 11	2.7	F7,14	07:30
1135	Hoàng Ngọc	Tân	05/08/93	TC SCCK 11	1.5	F7,14	07:30
1136	Lê Trọng	Linh	19/11/89	TC TH 08C	1.5	F7,14	07:30
1137	Nguyễn Quang	Luân	11/04/89	TC TH 08C	4.2	F7,14	07:30
1138	Nguyễn Hoài	Bảo	02/06/91	TC TH 09A	8.0	F7,14	07:30
1139	Huỳnh Hồng	Đạt	11/04/91	TC TH 09A	8.5	F7,14	07:30
1140	Nguyễn Bảo	Khánh	12/02/89	TC TH 09A	5.0	F7,14	07:30
1141	Lâm Thị Thu	Thủy	21/06/91	TC TH 09A	4.3	F7,14	07:30
1142	Nguyễn Vương Quốc	Triều	12/08/89	TC TH 09A	5.0	F7,14	07:30
1143	Nguyễn Trung	Phi	20/09/90	TC TH 09B	3.0	F7,14	07:30
1144	Lê Đạt Nhật	Tân	11/05/91	TC TH 09C	6.2	F7,14	07:30
1145	Ngô Tấn	Thành	16/09/90	TC TH 09C	5.4	F7,14	07:30
1146	Đặng Văn	Trí	12/10/91	TC TH 09C	3.5	F7,14	07:30
1147	Nguyễn Sơn	Lâm	12/07/91	TC TH 10A	5.8	F7,14	07:30
1148	Trần Cát	Phát	01/01/88	TC TH 10A	7.6	F7,14	07:30
1149	Nguyễn Thanh	Phong	09/12/92	TC TH 10A	3.9	F7,14	07:30
1150	Nguyễn Anh	Quế	02/02/91	TC TH 10A	5.8	F7,14	07:30

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A1

Sáng Chủ Nhật 25/12/2011

26 - A1

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
1151	Nguyễn Quốc Tuấn	30/06/89	TC TH 10A	2.7	F7,14	07:30
1152	Lư Huy Hoàng	08/07/92	TC TH 10B	5.6	F7,14	07:30
1153	Nguyễn Thị Trúc Linh	//90	TC TH 10B	4.3	F7,14	07:30
1154	Phạm Lượm	12/02/91	TC TH 10B	4.5	F7,14	07:30
1155	Lê Võ Phú Nhơn	19/05/85	TC TH 10B	5.0	F7,14	07:30
1156	Nguyễn Hồ Minh Nhựt	06/12/92	TC TH 10B	5.7	F7,14	07:30
1157	Lý Hoàng Sang	07/02/92	TC TH 10B	5.7	F7,14	07:30
1158	Lê Minh Thành	28/04/91	TC TH 10B	4.1	F7,14	07:30
1159	Lê Ngọc Tú	28/06/90	TC TH 10B	6.5	F7,14	07:30
1160	Chung Mậu Tuấn	10/01/92	TC TH 10B	5.8	F7,14	07:30
1161	Phạm Minh Tuấn	08/04/91	TC TH 10B	5.2	F7,14	07:30
1162	Lê Quốc Vương	05/10/90	TC TH 10B	5.9	F7,14	07:30
1163	Lê Khắc Huấn	11/04/87	TC TH 10C	3.5	F7,16	07:30
1164	Đỗ Thanh Quân	15/02/92	TC TH 10C	5.1	F7,16	07:30
1165	Mai Hoàng Tâm	04/12/92	TC TH 10C	2.8	F7,16	07:30
1166	Lê Quốc Tuấn	16/12/91	TC TH 10C	3.7	F7,16	07:30
1167	Lý Chí Bảo	21/09/93	TC TH 11C	4.0	F7,16	07:30
1168	Nguyễn Đức Bảo	03/10/91	TC TH 11C	3.0	F7,16	07:30
1169	Phạm Thanh Cương	11/01/93	TC TH 11C	2.4	F7,16	07:30
1170	Huỳnh Chí Cường	16/08/93	TC TH 11C	4.2	F7,16	07:30
1171	Ngô Thị Lệ Dung	17/04/93	TC TH 11C	5.5	F7,16	07:30
1172	Nguyễn Huỳnh Trọng Hiếu	19/03/92	TC TH 11C	3.6	F7,16	07:30
1173	Trương Đình Hiếu	25/03/93	TC TH 11C	6.6	F7,16	07:30
1174	Nguyễn Thanh Hùng	21/09/93	TC TH 11C	2.6	F7,16	07:30
1175	Nguyễn Văn Hy	15/05/92	TC TH 11C	2.8	F7,16	07:30
1176	Lương Vũ Hoàng Long	26/10/88	TC TH 11C	2.5	F7,16	07:30
1177	Sú Vầy Long	27/05/93	TC TH 11C	3.7	F7,16	07:30
1178	Lê Quang Luân	06/09/93	TC TH 11C	3.7	F7,16	07:30
1179	Nguyễn Thành Nam	23/11/93	TC TH 11C	3.2	F7,16	07:30
1180	Lâm Đại Ngọc	10/08/92	TC TH 11C	5.0	F7,16	07:30
1181	Trương Thanh Nhã	11/08/93	TC TH 11C	3.1	F7,16	07:30
1182	Nguyễn Hoàng Phú	13/11/93	TC TH 11C	1.8	F7,16	07:30
1183	Hoàng Đức Quyền	30/01/93	TC TH 11C	3.9	F7,16	07:30
1184	Nguyễn Hữu Tài	23/08/93	TC TH 11C	2.3	F7,16	07:30
1185	Nguyễn Đức Thắng	25/01/91	TC TH 11C	5.2	F7,16	07:30
1186	Phạm Văn Thắng	18/09/93	TC TH 11C	5.7	F7,16	07:30
1187	Lê Minh Thuyết	24/12/93	TC TH 11C	2.0	F7,16	07:30
1188	Lê Văn Tính	17/06/93	TC TH 11C	2.7	F7,16	07:30
1189	Phan Hữu Toàn	13/09/93	TC TH 11C	4.5	F7,16	07:30
1190	Nguyễn Ngọc Khoa Tranh	01/07/91	TC TH 11C	2.5	F7,16	07:30
1191	Võ Minh Trung	06/05/90	TC TH 11C	3.0	F7,16	07:30
1192	Lê Nhựt Trường	06/08/93	TC TH 11C	4.0	F7,16	07:30